



STEP UP RADIO[®]

STEPUP.EDU.VN

TẬP 5

Step Up English Center

Chào các bạn khán giả thân mến của Step Up Radio. Mình là Thương.

Các bạn ơi, nếu các bạn đã dành thời gian cho Radio của chúng mình từ những bài học đầu tiên của gói 1 cho đến gói cuối cùng này, thì đội ngũ làm radio chúng mình xin được dành sự cảm ơn chân thành nhất cho sự ủng hộ tuyệt vời của các bạn. Chào mừng các bạn đến với gói bài học cuối cùng đầy thú vị với những bài học về cụm động từ - **phrase verbs** – phrasal verbs - và các thành ngữ - **idioms**. Trong bất kì một ngôn ngữ nào, nếu như người nói có thể sử dụng được các thành ngữ để diễn đạt suy nghĩ một cách sinh động thì không nghi ngờ gì nữa, trình độ am hiểu về ngôn ngữ và văn hóa của anh ta đã rất cao rồi đúng không? Cũng giống như chúng ta trầm trồ khi bắt gặp một anh chàng mắt xanh da trắng nói được các thành ngữ của Việt Nam vậy, nào là "đứng núi này trông núi nọ", nào là "cẩn tắc vô áy náy.", nào là "ngựa quen đường cũ" Để đưa các bạn mới bước chân vào con đường chinh phục tiếng Anh vào một "cảnh giới" khác của Anh ngữ, bài học này, chúng mình xin được giới thiệu tóm lược cho các bạn về idioms và phrase verbs trong tiếng Anh nhé. Idioms, hay còn gọi là thành ngữ, là một bộ phận không thể thiếu trong bất kì ngôn ngữ nào trên thế giới.

Đây là một cách diễn đạt, một từ, một cụm từ theo lối tượng trưng, giàu hình ảnh mà người bản ngữ thường sử dụng để làm phong phú cho lời ăn tiếng nói của mình. Và nghĩa xác thực nhất của một thành ngữ thường không phải là nghĩa đen của từng câu chữ mà là nghĩa bóng được khơi gợi từ liên tưởng về hình ảnh. Ví dụ, có một idiom trong tiếng Anh, đó là: **Kick the bucket**. Hãy phân tích nghĩa đen của idiom này trước đã nhé. Kick là đá, bucket là cái xô. Liệu câu thành ngữ này có phải là đá một cái xô không? Không hề, nó lại có nghĩa là "Qua đời, từ trần" rất ngạc nhiên đúng không? Và có vẻ như chẳng có sự liên quan giữa nghĩa đen và nghĩa bóng của cụm từ này cả. Có vẻ như phải là người nói tiếng Anh như ngôn ngữ mẹ đẻ và trực tiếp sống trong nền văn hóa đó mới có thể cảm nhận được sắc thái và sự thú vị mà thành ngữ đó mang lại. Các bạn ơi, cũng chính vì chúng ta chỉ có thể hiểu nôm na ý nghĩa mà các idioms mang lại nên các bạn hãy cực kì thận trọng, đọc một idioms thật nhiều trong các văn cảnh khác nhau để dùng nó thật chính xác và phù hợp nhé. Cũng giống như trong tiếng Việt, các từ qua đời, từ trần, băng hà, khuất núi, hi sinh, toi mạng đều ám chỉ cái chết nhưng chúng ta không thể dùng từ toi mạng để nói về việc một nhân vật lịch sử tôn kính vừa ra đi được đúng không?

Bây giờ chúng ta hãy cùng chuyển qua một bộ phận rất đồ sộ của tiếng Anh nữa nhé, đó chính là cụm động từ: Phrase verb. Thế nào là cụm động từ. Phrase – phrasal – đánh vần là P-H-R-A-S-E có nghĩa là thuộc về cụm từ. còn Verb là động từ ai trong chúng ta cũng đều rất quen thuộc rồi. Phrase verb là một động từ theo sau bởi một hoặc nhiều giới từ. Sự kết hợp tạo ra một nghĩa hoàn toàn khác so với động gốc, và nhìn vào cấu tạo của cụm từ đó, có những khi rất khó để đoán được nghĩa của chúng. Ví dụ đơn giản là động từ take – lấy đi. Khi giới từ after đi sau take ta có cụm động từ **take after**. Nghĩa của phrase verb này không phải là lấy sau một ai đó, mà là giống ai đó, như con cái giống cha mẹ ở ngoại hình, tính cách vậy. Chẳng hạn **I take after my mother more than my father**. (Tối giống mẹ nhiều hơn là giống bố.)

Ngoài ra, trong vô vàn ví dụ nữa, ta còn có **see off** là tiễn chân một ai đó, **look after** là chăm sóc, **look into something** là xem xét một vấn đề nào đó, **break down** là xe cộ bị hư hỏng. Những ví dụ này đã giúp các bạn thấy sáng tỏ hơn về cụm động từ trong tiếng Anh chưa? Tuy là hữu ích như vậy, phrase verb có xu hướng phổ biến trong văn nói và những đoạn văn suồng sã hơn là trong văn phong học thuật sang trọng. Ở những tình huống như thế này, người ta có xu hướng tránh các phrase verb mà thay vào đó là dùng các động từ cùng nghĩa nhưng trang trọng hơn.

Bài học về idiom và phrase verb xin phép được khép lại tại đây. Mình mong rằng các bạn sẽ để ý học hỏi nhiều hơn hai thành phần rất quan trọng này của tiếng Anh để trở thành một người giao tiếp linh hoạt và sinh động hơn trong mắt người bản ngữ nhé.

Xin chào và hẹn gặp lại!

Chào các bạn khán giả thân mến của Step Up Radio, mình là Thương. Các bạn ơi. Chắc hẳn các bạn đang rất nóng lòng được bỏ túi một số cụm động từ, hay còn gọi là phrase verb đúng không? Vậy thì còn chần chờ gì nữa, hãy cùng đến ngay với 3 cụm động từ quen thuộc nhất xuất phát từ động từ look- nghĩa là nhìn nhé

Đầu tiên đó chính là **look after oneself hoặc là somebody hoặc something**: tự chăm sóc bản thân/ hoặc ai đó hoặc một cái gì đó.

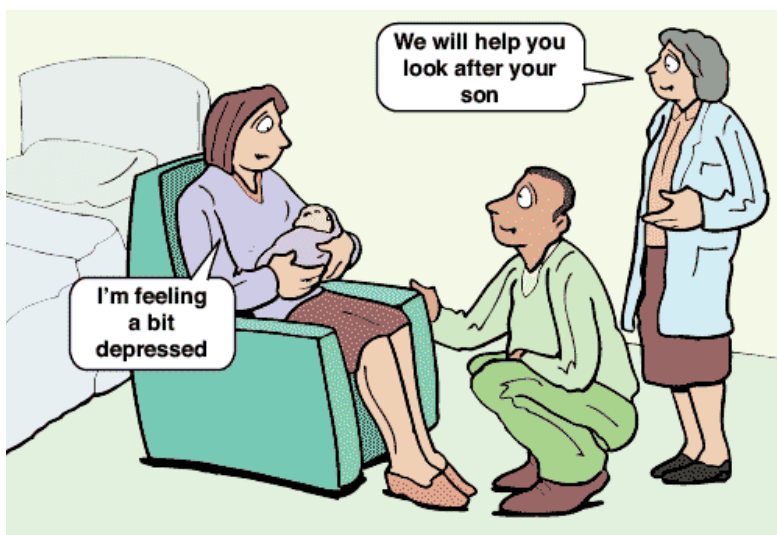
Ví dụ:

Look after yourself: Hãy chăm sóc bản thân mình. x2

Who will look after my parents when I am away? Ai sẽ chăm sóc bố mẹ tôi khi tôi đi xa. X2

Please help me to look after my house. Xin hãy giúp trông coi nhà cửa cho tôi với. X2

Các bạn có thấy cùng một nghĩa là chăm sóc nhưng từ look after áp dụng trong nhiều trường hợp đa dạng đúng không? Không chỉ dùng look after để nói về người mà còn dùng với vật nữa: ngôi nhà, vật nuôi, các vấn đề cần được giải quyết. Và bản thân mình thì thấy đây là một từ rất dễ nhớ. Vậy là từ bây giờ, mỗi khi cần dùng từ chăm sóc trong tiếng anh, ngoài **take care of** ra thì các bạn có thể thay đổi bằng **look after** cho phong phú nữa nhé.



Bên cạnh look after ra, chúng ta còn có **look forward to + v-ing**: tức là trông đợi một điều gì đó. Giới từ forward diễn tả chuyển động về phía trước, trái ngược lại với **backward**, về phía sau. Các bạn lưu ý nhé, điều làm nên sự đặc biệt cho look forward to là sau "to" bắt buộc phải dùng động từ ở dạng v-ing chứ không phải dạng nguyên thể. **We look forward to seeing you again** - Chúng tôi mong chờ được gặp lại bạn. Chứ không phải là **We look forward to see you again**. Các bạn sẽ để ý bắt gặp rất nhiều cụm động từ look forward to này ở cuối các bức thư. Và sau look forward to ta có thể dùng danh từ với nghĩa là chờ đợi một điều gì đó. Chẳng hạn **I look forward to your reply** x2 Tôi chờ mong sự hồi âm của bạn.

Ngoài look after và look after ra, chúng ta còn có thể kể đến một phrase verb của look cũng phổ biến không kém, đó là **look up to somebody**: Tôn trọng ai đó. Có hai động từ trang trọng hơn tương xứng với look up to là **admire** – ngưỡng mộ và **respect** – tôn trọng. **I really look up to my teacher** là Tôi rất coi trọng thầy giáo của mình. x2 **You only have one father. Look up to him.** Bạn chỉ có một người cha thôi, hãy tôn trọng ông ấy. **You only have one father. Look up to him** x2. Khi nghe từ look up to ta dễ dàng liên tưởng đến nghĩa bóng của từ này đúng không? Hãy tưởng tượng mình đang ngước lên rất cao để nhìn ai đó với vẻ ngưỡng mộ nhé.

Vậy là trong bài học hôm nay chúng ta đã thu hoạch được 3 cụm động từ vừa lạ mà vừa quen để diễn đạt ý phong phú và sáng tạo rồi phải không nào? Hãy nhớ nhé.

Look after là chăm sóc

Look forward to + v-ing hoặc + danh từ là kì vọng làm một điều gì hoặc kì vọng một điều gì đó.

Cuối cùng là **look up to**: ngưỡng mộ ai đó.

Bài học xin được khép lại tại đây, hẹn gặp lại các bạn trong các bài học sắp tới.

Chào các bạn khán giả thân mến của Step Up Radio, học về thành ngữ và cụm động từ trong tiếng Anh quả là rất hấp dẫn đúng không? Mình tin là các bạn đều cảm thấy mỗi lời nói ra có sử dụng idioms và phrase verb rất bay bổng và thú vị. Bài học trước chúng ta đã thu lượm 3 phrase verbs của động từ look rồi, lần này sẽ là một động từ phổ biến khác là make.

Đầu tiên ta có cụm động từ **make something up** với nghĩa bịa ra cái gì đó để giải trí hoặc là lừa dối một ai đó, có thể là bịa chuyện, bịa lí do, Ví dụ con gái bé bỏng của tôi luôn sáng tạo ra các câu chuyện thì nói là : **“My little daughter is always making up stories.”** X2. Các bạn nhớ nhé, make up stories là bịa ra các câu chuyện. Daughter là con gái. Hoặc chẳng hạn nói anh Bob luôn bịa ra lí do cho sự lười biếng của mình , thì chúng ta có : **“Bob is always making up excuses for his laziness.”** X2. Lazy là tính từ , lười nhác, vậy thì laziness là danh từ của lazy, sự lười nhác. Các bạn có để ý là hai ví dụ mà mình đặt ra ở trên đều có dùng chung một cấu trúc không? Bob is always making up excuses for his laziness và My little daughter is always making up stories. Đó là cấu trúc **to be + always+ verb-ing** nghĩa dùng để diễn tả một thói quen lặp đi lặp lại của nhân vật được nhắc đến, thường là với ngụ ý than phiền. Ví dụ: **“You ‘re always cheating!”** X2: Anh lúc nào cũng gian lận cả!

Bây giờ hãy cùng đến với cụm động từ được phát sinh từ động từ make này nữa nhé. Đó là **to make up for something**: Bù đắp cho cái gì đó để khắc phục một tình huống xấu đã xảy ra. Ví dụ muốn nói làm việc chăm chỉ có thể bù đắp cho thông minh thì ta nói là: **Hard work .. canmake up for intelligence.** Hard work là sự làm việc chăm chỉ, còn intelligence- đánh vần là I-N-T-E-L-L-I-G-E-N-C-E có nghĩa là sự thông minh. Intelligence là danh từ của Intelligent- đánh vần là I-N-T-E-L-L-I-G-E-N-T

Và một idiom ngắn gọn nhưng rất mới lạ để kết thúc bài học hôm nay đó chính là **make it**. Make nổi âm với it nên sẽ đọc thành make it . Với nghĩa là có mặt ở một địa điểm nào đó như đã hẹn. Ví dụ bạn và bạn của bạn đã hẹn nhau đi chơi vào ngày chủ nhật nhưng vì có việc đột xuất bạn của bạn không thể đến được, nên người đó đã nhắn tin cho bạn với nội dung là : **“Sorry. I won’t be able to make it on Sunday.”** Mình đọc lại một lần nữa nhé. “ sorry. I won’t be able to make it on Sunday.” Ta hiểu là: xin lỗi , ngày chủ nhật tớ không thể đến được rồi. Từ bây giờ các bạn có thể tha hồ áp dụng cách dùng thành ngữ make it này khi hẹn lịch với ai đó nhé. Make it - thành ngữ tuy hơi ngắn gọn và nghe có vẻ mơ hồ nhưng đặt vào văn cảnh lại cực dễ hiểu cho người nghe. Hoặc một ví dụ khác là khi bạn sắp tổ chức một bữa tiệc sinh nhật vào tuần tới và muốn mời một ng bạn đến dự thì có thể nói: **“I hope you you can make it to my birthday party next week”**. X2 nếu thay birthday party bằng wedding thì chúng ta lại có một lời mời đến dự đám cưới rồi đấy. Đừng quên **giới từ to** trước địa điểm nhé. To my birthday party hay là to my wedding như ở trên.

Vậy là trong giới hạn thời gian ngắn ngủi của bài học này, chúng ta đã học thêm được khá khá kiến thức về cụm động từ của make rồi đúng không các bạn? **Make up for something** là bù đắp cho cái gì đó, **make it** là có thể đến một địa điểm nào đó, cuối cùng là **make something up** với nghĩa nghĩ ra một cái gì đó không có thật để giải trí hoặc để bào biện cái gì đó. Mình mong là các bạn sẽ vận dụng những cách nói này thường xuyên để chúng dần dần trở thành vốn từ linh hoạt của các bạn.

Chúc các bạn một ngày vui vẻ và hẹn gặp lại ở các bài học sau.

Chào các bạn khán giả thân mến của Step Up Radio, Mình là Thương.

Phần lớn các động từ trong tiếng Anh đều có thể kết hợp với các giới từ để tạo thành các cụm động từ với nghĩa tương đối khác biệt so với nghĩa gốc của từ. Xem như biết nghĩa của một từ chưa hẳn là chúng ta đã biết tất cả về từ đó đúng không? Lấy động từ “Do” - gần như là động từ đầu tiên mà những người học tiếng Anh biết đến làm ví dụ. Nhìn động từ đơn giản và phổ biến như vậy chắc hẳn nhiều người không biết là nó có đến tận 14 phrase verb và 10 idiom đi kèm. Nhưng con số cuối cùng chưa dừng lại ở đó vì mỗi phrase verb-tức cụm động từ nhiều khi có thể có đến tận 4 nghĩa lẻ. Nhưng chúng ta sẽ bắt đầu thật nhẹ nhàng thôi, ngay sau đây mình sẽ giới thiệu cho các bạn 3 trong số cách dùng trên nhé.

Đầu tiên hãy đến với cụm động từ **“Do something up”** với nghĩa trang hoàng hoặc sửa chữa lại một căn nhà hoặc một không gian nào đó. Ví dụ: **They buy old houses and do them up** x2. Họ mua những căn nhà cũ và trang hoàng lại chúng. Hoặc một ví dụ khác là : **“I need to do up my room a little bit.”** X2 nghĩa là tôi cần phải sửa sang lại phòng chút đỉnh. Thông thường, chúng ta vẫn có từ trang hoàng, trang trí quen thuộc là **decorate** – đánh vần là D-E-C-O-R-A-T-E nhưng bây giờ ta đã biết thêm một từ đồng nghĩa với nó hơn đúng không các bạn?

Tiếp đến là thành ngữ **do somebody a favour** nghĩa là giúp đỡ ai đó. Thành ngữ này được áp dụng phổ biến khi các bạn muốn nhờ một ai đó, đặc biệt là người lạ giúp mình một tay. Bạn đang khệ nệ mang vali lên cầu thang và muốn người đi bên cạnh hỗ trợ mình, chỉ cần nói : **“Could you please do me a favour?”** trong câu đề nghị chúng ta thường mở đầu bằng could thay vì can để đảm bảo tính lịch sự. Hãy cùng mình nhắc lại câu vừa rồi 3 lần nữa nhé. X3

Một phrase verb cuối cùng của từ “do” nữa đó là **“to do away with something”** nghĩa là loại bỏ một cái gì đó, hoặc một đạo luật, một chính sách nào đó. Chẳng hạn mẹ bạn nói với bố bạn là : **“You need to do away with smoking”** Anh phải bỏ thuốc lá đi .x2 Bố bạn đáp lại là : **“But it ‘s hard habit to break.”** X2 nhưng đó là một thói quen rất khó bỏ.

Chúng ta hãy cùng điểm lại các cụm từ ở trên nhé. **Do up** là trang trí, sửa sang lại, **do away with something** là loại bỏ một cái gì đó, **to do somebody a favour** là giúp đỡ ai đó.

Bây giờ hãy cùng làm một bài tập nho nhỏ để áp dụng những phrase verb và idiom ở trên. Các bạn hãy nghe kĩ câu sau và điền vào chỗ chấm nhé:

“Our house is wonderful, but it needs.....” Nhà của chúng ta rất tuyệt vời, nhưng nó cần được.... Vậy chúng ta cần điền gì ở đây nhỉ? Trong các cụm từ do up, do away with và do somebody a favour các bạn thấy cụm từ nào phù hợp nhất mà lại liên quan đến ngôi nhà nhỉ?

Đó chính là “do up”. Nhưng sau động từ need này chúng ta cần đưa động từ về dạng verb-ing, nên câu hoàn chỉnh mà chúng ta có là : **“Our house is wonderful, but it needs doing up.”**

Bài học về các thành ngữ và cụm động từ liên quan đến “do” xin được khép lại tại đây. Xin chào và hẹn gặp lại.

Chào các bạn khán giả thân mến của Step Up Radio. Mình là Thương

Các bạn ơi các bạn có cảm thấy việc học idioms và phrase verb thú vị và bất ngờ không? Bản thân mình thì luôn thấy hào hứng khi bắt gặp một phrase verb mới. Sau động từ do, make và look ở các bài học trước, hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu cụm động từ và thành ngữ của một động từ cũng cơ bản không kém, đó chính là get.

Khi muốn nói ai hòa hợp với ai đó, chúng ta có **get on with somebody**. “**She has never really got on with her sister.**” Cô ấy chưa bao giờ thực sự hòa thuận với chị của cô ấy cả. X2. Bạn có hòa hợp với bạn cùng phòng không là : “**Do you get on with your roommate?**” Còn nếu muốn nói Michael và Tim hòa hợp với nhau thì chúng ta nói thế nào nhỉ? Hãy nghĩ ngay đến **each other** - như vậy ta có **Michael and Tim get on with each other**.

Phrase verb thứ hai là quay về tình trạng bình thường sau một căn bệnh hoặc một nỗi buồn hoặc một cú sốc hoặc sự kết thúc của một mối quan hệ nào đó , ta dùng **get over**. Ví dụ “**Have you got over your illness?**” Anh đã khỏi bệnh chưa? **Ill** là ốm yếu thì ta có danh từ của ill là **illness** – sự đau ốm - đánh vần I-L-L-N-E-S-S x2. Nói cô ấy đã vượt qua sự ra đi của mẹ cô ấy là “**She has got over her mother’s death.**” X2 Nói anh ấy đã quên được người yêu cũ là “**He has got over his ex girlfriend.**” Ex- gồm hai chữ cái e và x có nghĩa là cũ. Thay vì nói ex girlfriend hay ex boy friend người ta thường nói và viết ngắn gọn lại là ex. Nếu bạn nói my ex thì người nghe sẽ tự hiểu đó là người yêu cũ của bạn. Tôi không thể quên được người yêu cũ là **I can’t get over my ex**. Hoặc một trường hợp khác, get over còn có nghĩa là vượt qua khó khăn nào đó. “**I need to get over my shyness**” nghĩa là tôi cần vượt lên sự xấu hổ của mình. x2 còn “**Get over yourself**” là bạn hãy vượt lên chính mình, vượt qua những rào cản bên trong người mình. Rất thú vị đúng không các bạn?

Để kết thúc bài học hôm nay, mình xin giới thiệu một thành ngữ rất hay đó là **get nowhere**: chẳng đi đến đâu cả. **This is ridiculous! We are getting nowhere**: thật là vô vãn, chúng ta chẳng đi đến đâu cả. X2 Ridiculous là nhảm nhí, ngớ ngẩn. Đánh vần là R-I-D-I-C-U-L-O-U-S đồng nghĩa với từ silly và stupid mà chúng ta vẫn thường nghe. Get nowhere nghe thì có vẻ như nó đang nói đến hành động đi lại nhưng ta hoàn toàn có thể dùng nó với nghĩa bóng là không có kết quả gì tốt đẹp, không đâu vào đâu.

Vậy là qua bài học này, chúng ta đã dần trở nên quen thuộc với 3 cụm từ của động từ get rồi đúng không? Nào là **get on with somebody** là hòa hợp với ai đó, **get over something hoặc somebody** là vượt qua một căn bệnh, một nỗi buồn, hay một ai đó. Cuối cùng là **get nowhere** là không đi đến đâu cả. Các bạn hãy viết ra 3 câu cho mỗi cách diễn đạt để ghi nhớ nhé.

Xin chào và hẹn gặp lại.

Chào các bạn khán giả thân mến của Step Up Radio. Mình là Thương.

Hôm nay chúng ta lại tiếp nối chủ đề về idiom và phrase verb vô tận trong tiếng anh nhé. Động từ mà chúng ta sẽ tìm hiểu ngày hôm nay là give - đưa. Có thể các bạn sẽ gặp lại 1 hoặc 2 cụm động từ đã từng thấy rất nhiều lần trước đó nhưng không hiểu nghĩa là gì đấy. Hãy cùng bắt đầu nhé.

Đầu tiên là một phrase verb siêu phổ biến - **to give up** - từ bỏ, dừng cố gắng. Các văn cảnh mà chúng ta có thể sử dụng cụm động từ này rất hay và đa dạng. Ví dụ bạn cùng bạn của bạn đổ bạn một câu hỏi rất hóc búa mà bạn nghĩ mãi không ra. Bạn sẽ nói là : **“I give up. Tell me the answer.”** Tôi bỏ cuộc đấy, hãy nói cho tôi câu trả lời đi. X2. Hoặc trong một hoàn cảnh khác. khi bạn đang xem một cuộc thi marathon trên truyền hình và muốn bình luận về một vận động viên dù rất mệt mỏi rồi vẫn k từ bỏ thì bạn có thể nói là : **“She doesn’t give up easily.”** Cô ấy không bỏ cuộc dễ dàng đâu. X2. Give up còn có một cách dùng thú vị hơn nữa, đó là khi ai đó bỏ thời gian mà thông thường họ vẫn dành làm việc này để làm 1 việc khác. Ví dụ **“I gave up my weekend to study for the exams”** x2 Tôi đã bỏ cả cuối tuần để ôn thi. Sự đa năng của từ give up không chỉ dừng lại ở đó đâu các bạn ạ, cụm từ **give up on somebody** có nghĩa là đã quá nản, quá mất hi vọng vào ai đó, Chẳng hạn như bạn đang giải bài cho đứa em nhưng mãi nó vẫn không thể hiểu được, có thể bạn sẽ thở dài và nói: **“I give up on you.”**x2 Các bạn nhớ nhé, give up on somebody có nghĩa là đã quá mất kiên nhẫn, không hi vọng có thể tác động vào một ai đó để họ có thể tốt lên được.

Tiếp đến, mình sẽ giới thiệu một thành ngữ mà mình thấy rất tâm đắc và vô cùng hữu dụng trong các tình huống giao tiếp thường ngày. Chắc chắn chúng ta sẽ không bắt gặp trong sách giáo khoa tiếng anh 12 năm đi học. Đó là **Give it to me straight.** Hãy nói thẳng ra đi. Straight là thẳng - đánh vần S-T-R-A-I-G-H-T Từ straight này ngoài nghĩa đen để chỉ hình dạng thẳng hay cong của sự vật thì nó còn hàm chứa một nghĩa bóng là nói ngay thẳng, thành thật, không lấp lửng. Một ví dụ để các bạn dễ hình dung là khi một người đi khám bệnh và anh ta thấy bác sĩ có vẻ ngáp ngừng và giấu diếm điều gì đó, anh ta bèn nói: **“Doctor, give it to me straight.”** Với ý là tôi đã chuẩn bị tinh thần để đón nhận rồi, hãy cứ nói một cách thành thật đi. Tóm lại, give it to me straight là một cụm từ dùng để yêu cầu ai đó nói ra một điều gì đó không dễ dàng chấp nhận. Hãy cùng nhắc lại với mình nhé. Give it to me straight. X2

Thành ngữ thứ ba mà mình sắp sửa nhắc đến ở đây cũng có tính ứng dụng rất cao trong giao tiếp thường ngày. Khi một ai đó thúc giục bạn một cách vô lí, vừa đưa ra yêu cầu mà đã đòi kết quả ngay, bạn sẽ phản ứng lại như thế nào nhỉ: **“Give me a chance!”** Chance đánh vần là C-H-A-N-C-E dịch theo từng từ câu này có nghĩa là hãy cho tôi một cơ hội đi. Nhưng nếu dịch sát hơn với văn cảnh và tâm trạng của người nói thì ta có thể hiểu nó là : “Xin đừng thúc giục quá mức được không?” lần sau nếu có ai đó hối thúc bạn quá đà, hãy nghĩ đến câu : “Give me a chance” nhé.

Bài học về các thành ngữ và cụm động từ của “Give” đến đây là hết rồi, xin chào và hẹn gặp lại các bạn ở bài học sắp tới.

Chào các bạn khán giả thân mến của Step Up Radio, mình là Thương.

Các bạn có biết điều kì diệu nào sẽ đến trong bài học ngày hôm nay không? Đó chính là 4 idioms và phrase verbs của động từ “Take” sẽ giúp các bạn mở rộng khả năng giao tiếp của mình. Hãy cùng bắt đầu nhé.

Đầu tiên đó chính là **take part in**: tham dự vào một hoạt động nào đó với người khác. Take part in. Từ part đánh vần là p-a-r-t đứng một mình có nghĩa là phần. Take part in: tham gia đồng nghĩa với từ join – J-o-i-n mà chúng ta vẫn thường dùng đấy. **Take part in the competition**: là tham dự vào cuộc thi. **Take part in a celebration**: là tham dự vào một buổi liên hoan. **Take part in a fight** là tham dự vào một cuộc chiến. **Take part in a discussion** là tham dự vào một cuộc thảo luận.

Tiếp đến là một phrase verb của take – **take after**: giống người lớn tuổi hơn trong nhà, bố mẹ ông bà cô dì chú bác về cử chỉ hoặc tính cách. Nói Joe giống bố anh ấy thì nói là: **Joe takes after his father**. X2 **Who do you take after?** Bạn giống ai ? x2 After là sau, tuy vậy giữa nghĩa của take after khó mà hình dung đến được nếu chỉ nhìn vào mặt chữ phải không các bạn?

Tiếp đến là thành ngữ **take the day off**: nghỉ phép một thời gian. **I am taking the day off next Monday** là thứ 2 tuần tới tôi sẽ xin nghỉ phép.

Và cuối cùng để khép lại bài học là **take it back** - rút lại lời vừa nói. Đây cũng là một câu nói gần gũi của cuộc sống hằng ngày đúng không các bạn? Ví dụ bạn lỡ lời nói một điều gì đấy làm tổn thương người khác, ví dụ như chê bạn thân của bạn béo chẳng hạn. Bạn có thể nói là : **“I didn’t mean what I said. I take it back.”** Tôi không có ý như mình vừa nói đâu. Mình xin rút lại” Hãy đọc chậm cả câu vài lần nữa các bạn nhé. X3 back là quay lại, vậy thì **take it back** có nghĩa khá là gần với phỏng đoán về nghĩa của nó phải không các bạn.

Trong bài học này chúng ta đã cùng nhau học được 4 idiom và phrase verb để nói chuyện bớt khô khan kiểu lý thuyết sách vở rồi đúng không? Đó là **take part in**: tham dự vào, **take after someone**: giống ai đó lớn tuổi trong gia đình, **take the day off** là nghỉ phép, **take it back**: rút lại lời vừa nói.

Các bạn hãy nghe lại podcast này thường xuyên để ghi nhớ mãi mãi các cách dùng từ vừa được giới thiệu nhé. Xin chào và hẹn gặp lại.

Chào các bạn khán giả thân mến của Step Up Radio. Mình là Thương.

Cho đến bài học hôm nay chúng ta đã đi qua được khá khá các cụm động từ và thành ngữ có nguồn gốc từ các động từ cơ bản như look, make, do, give, get, take. Hôm nay chúng ta sẽ bổ sung thêm vào bộ sưu tập đó một động từ nữa, đó là run – chạy. Các bạn đã sẵn sàng chưa? Hãy bắt đầu nhé.

Đầu tiên chúng ta hãy đến với **run out of something**: nghĩa là hết cái gì đó. Out of là ra khỏi. “**Mom, we are running out of rice.**” Nghĩa là mẹ ơi, chúng ta đang dần hết gạo rồi. X2 thay rice bằng tea, bằng gas, ta sẽ có những câu tương tự. **We are running of tea**: Chúng ta đang gần hết trà. **We are running out of gas**: Chúng ta đang gần hết ga. Nhưng khi ta nói **run out of steam** – mờ hôi – đánh vần là S-T-E-A-M thì nghĩa mới mà ta nhận được không phải là hết mờ hôi hay hết hơi nước, mà là mệt bỏ hơi tai, quá mệt mỏi để làm cho xong một cái gì đó. **I have been working hard all day, and I am beginning to run out of steam.** X3 Tôi đã làm việc cật lực cả ngày rồi, tôi đang gần kiệt sức đây .

Tiếp đến là **run somebody’s life**: Liên tục chỉ giáo ai đó nên sống cuộc đời của họ như thế nào một cách rất khó chịu. Ví dụ, bạn rất bức mình khi hàng xóm của bạn cứ liên tục thuyết giáo bạn phải sống như thế nào, bạn có thể nói : “**I wish you could stop trying to run my life!**” giá mà anh có thể dừng việc chỉ bảo cách sống của tôi. Hãy cùng nhắc lại nhé x3.

Ngoài run somebody’s life và run out of something, mình còn muốn giới thiệu cho các bạn một phrase verb nữa, đó là **run across somebody hoặc something** - Tình cờ bắt gặp ai đó hoặc một vật gì đó. Across là từ bên này sang bên kia. Chẳng hạn nói **I ran across Michael Jackson on the way home.** Trên đường về tôi vô tình bắt gặp Michael Jackson. X2 còn nếu nói tôi tình cờ thấy một quyển sách hay thì nói : **I ran across an interesting bookx2** Ví dụ bạn đang cầm trên tay một đồng xu rất đẹp thì mẹ bạn hỏi: “**Where did u get this coin?**” “Con lấy đồng xu này ở đâu ra vậy?” Bạn trả lời là “Con nhặt được trên đường mẹ ạ.” **I ran across it on the road.** X2

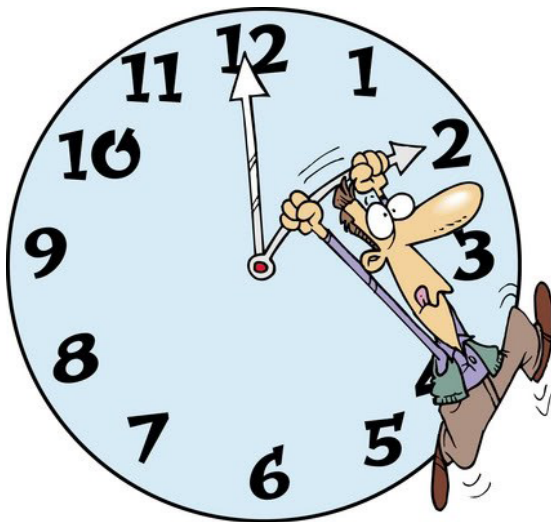
Các bạn ơi chúng ta sắp hết thời gian cho bài học ngày hôm nay rồi, **we are running out of time.** Hãy nhắc lại 3 cụm từ mà chúng ta đã học nhé. **Run out of something** là hết cái gì đó, **run somebody’s life** là chỉ bảo cuộc đời của người khác, còn **run across something/ somebody** là vô tình bắt gặp ai đó hoặc vật gì đó.

Mình hi vọng là các bạn đã có những giây phút học tập hiệu quả với Step Up Radio. Xin chào và hẹn gặp lại.

Chào mừng các bạn đến với Step Up Radio. Mình là Linh.

Hôm nay chúng ta hãy cùng tìm hiểu về 3 phrasal verbs hay "động ngữ" và 3 thành ngữ đi vs động từ "go" nhé!

1 trong các lý do phổ biến nhất mà học sinh sinh viên hay đưa ra khi đi học muộn, đó là chuông báo thức không kêu. Vậy nói chuông báo thức đã không kêu như thế nào? Để diễn đạt ý này, trong tiếng Anh có 1 phrasal verb liên quan đến bài học hôm nay là **go off**. Go off có nghĩa là bắt đầu reo, chuông báo thức reo, báo thức. **"I'm sorry for my tardiness because my alarm clock didn't go off"** (Em xin lỗi cô vì đi học muộn bởi vì chuông báo thức đã không kêu)



Ngoài ra, cụm phrasal verb go off còn có 1 nét nghĩa khác.

Hãy xem xét VD sau: **"I don't think we should eat this fish. It smells like it's gone off"**. Trong VD này, cụm go off chỉ tình trạng hỏng, ôi, thiu của đồ ăn. "Tôi không nghĩ rằng chúng ta nên con cá này. Nó có mùi như kiểu đã ôi thiu rồi"

Như vậy, go off có 2 nghĩa cơ bản là chuông báo thức reo và đồ ăn ôi, thiu.

Tiếp theo, các bạn có thể nghĩ ra bao nhiêu động từ có cùng nghĩa với động từ **"happen"** nhỉ? Chúng ta có từ **"occur"** này và liên quan đến bài học hôm nay, mình biết có 1 từ khác được sử dụng rộng rãi trong các câu nói giao tiếp **"go on"**. Go on có nghĩa tương tự vs động từ "happen", tức là xảy ra, diễn ra.

Chẳng hạn: **"What's been going on in here? The room looks like a bomb's hit in"** (Chuyện gì đang xảy ra ở trong này vậy? Căn phòng trông như vừa bị bom tấn công vậy)

Và phrasal verb thứ 3 mình muốn giới thiệu đến các bạn học là **go through with**. Cụm go through with có nghĩa là làm việc gì đó như đã định hoặc đã đồng ý và hoàn thành nó, nói cách khác ngắn gọn hơn là làm đến cùng, theo đến cùng. VD như: **"Your plans are excellent, but do you think you'll be able to go through with them?"** (Các kế hoạch của anh rất tuyệt, nhưng liệu anh có thể theo đến cùng được không?)

Ở phần thứ 2 của bài học, Linh sẽ cung cấp 3 thành ngữ với động từ "go". Các bạn hãy chú ý nhé!

Các bạn có biết những cách nào để nói "chia hóa đơn" trong tiếng Anh khi bạn đi ăn với bạn bè chẳng hạn? Chúng ta có 1 số cách sau **"divide the bill"** (divide nghĩa là chia, chia ra), **"share the bill"** (share có nghĩa là chia, chia sẻ) và 1 cách nữa với động từ "go", go Dutch. **Go Dutch** có nghĩa là chia hóa đơn giống như "divide hay share the bill", khi bạn đi ăn ngoài vs bạn bè thì mỗi người sẽ tự trả phần ăn uống mà họ đã dùng.

VD: **"The bill comes to 600k. Shall we go Dutch?"** (Hết tổng cộng 600k. Chúng ta trả riêng nhé?) Ummm, các bạn có thắc mắc tại sao lại nói là go Dutch k? Có 1 nhà ngôn ngữ giải thích người Anh nói Go Dutch do bắt nguồn từ cụm từ **Dutch Door**. Vậy Dutch door là gì? Dutch door là cửa theo kiểu Hà Lan. Hà Lan nổi tiếng thế giới về các sản phẩm sữa. Nhà của người Hà Lan thường nuôi bò sữa nên cánh cửa nhà người Hà Lan thường được cắt ra làm đôi – nửa dưới thường được đóng để ngăn bò đi vào bên trong nhà trong khi đó nửa trên vẫn mở được để lấy ánh sáng bên ngoài vào. Nên việc "Đi theo kiểu Hà Lan" go Dutch có nghĩa là cửa đôi.

1 sự thật khá thú vị phải không? Tiếp theo, chúng ta có thành ngữ **“It goes without saying that.”** Thành ngữ “It goes without saying that” được sử dụng khi bạn nghĩ rằng ai đó đã chắc chắn biết những gì mà bạn sẽ nói vs họ, hay như chúng ta vẫn nói “khỏi cần phải nói thì”.

VD: **“Gas prices are very expensive. It goes without saying that customers would prefer them to be cheaper”** (Giá ga rất đắt. Khỏi phải nói thì các khách hàng ai cũng muốn chúng rẻ hơn)

Cuối cùng để kết thúc bài học, chúng ta có thành ngữ **coming and going**. “Coming and going” có nghĩa là gì nhỉ? Chúng ta sẽ cùng thử đoán nghĩa của thành ngữ này dựa trên VD sau nhé **“I can’t work properly with all this coming and going”**. “coming” là đến, “going” là đi. 1 người mà không thể làm việc được bởi tất cả cái đến và cái đi. Đương nhiên như vậy thì chưa có nghĩa gì cả. Các bạn thử nghĩ xem điều gì có thể gây ra việc đến và đi? Chính là con người chúng ta. Vậy coming and going ở đây được hiểu là những tiếng ồn và sự phiền phức gây ra bởi con người di chuyển qua lại. Đây là 1 cảnh tượng khá phổ biến các các văn phòng công sở khi mà người thì đến xin việc, người thì đi in giấy tờ, người thì đi ra ngoài nói chuyện vs sếp vv... Quay lại với câu VD trên, chúng ta có thể hiểu người nói cho rằng anh ta không thể làm việc nổi vì kẻ ra người vào liên tục, gây ra tiếng ồn khiến anh ta không tập trung được.

Alright, that’s all for today. Hope you’ve enjoyed the lesson. Keep practicing because practice makes perfect!

Hãy luôn theo dõi và ủng hộ Step Up Radio. Xin cảm ơn các bạn!

Chào mừng các bạn đến với Step Up Radio. Mình là Linh.

Để không cảm thấy quá ngột ngạt và khối lượng học quá khổng lồ, hôm nay chúng ta sẽ cùng đến với chỉ 4 cụm phrasal verbs và thành ngữ có động từ "put" nhé! Đó là **put forward**, **put under**, **put up with** và **put aside**.

Trước hết, các bạn hãy cùng nghe 1 đoạn văn sau và đoán xem đoạn văn này nói về điều gì nhé!

The company that I have been working for was taken over by a new manager, and we didn't get on very well. Every suggestion that I put forward he rejected, he put me under a lot of pressure to work longer hours. He also made up rumors that I was lazy and unreliable. Eventually, I decided that I couldn't put up with it anymore, and resigned.

Fortunately, I had managed to put aside a bit of money, and so I decided to take a well-deserved holiday...

Hãy nghe lại 1 lần nữa và ghi lại tất cả các đoạn có các thành ngữ và phrasal verbs: **put forward**, **put under**, **put up with** và **put aside**.

The company that I have been working for was taken over by a new manager, and we didn't get on very well. Every suggestion that I put forward he rejected, he put me under a lot of pressure to work longer hours. He also made up rumors that I was lazy and unreliable. Eventually, I decided that I couldn't put up with it anymore, and resigned.

Fortunately, I had managed to put aside a bit of money, and so I decided to take a well-deserved holiday...

Như vậy là các bạn đã được nghe đoạn văn trên 2 lần. Giờ chúng ta sẽ cùng tìm hiểu nội dung của đoạn văn vừa rồi nhé! Đây là 1 trích đoạn về lời than phiền của 1 nhân viên trong 1 công ty mà trước kia a ta từng làm việc. Công ty này thuê 1 người quản lý mới, tuy nhiên a ta cảm thấy k thể hòa hợp đc vs ng quản lý đó. Đầu tiên a ta than phiền về việc người quản lý mới này luôn từ chối những đóng góp của anh ta, anh ta nói **"Every suggestion that I put forward he rejected"**. Trong câu này, put forward mang nghĩa là đề xuất, trình bày, nêu ra hay đưa ra 1 ý tưởng, gợi ý. "Every suggestion that I put forward he rejected".

Không những vậy người quản lý mới còn khiến cho anh nhân viên này cảm thấy quá nhiều áp lực buộc phải làm thêm nhiều giờ **"He put me under a lot of pressure to work longer hours"**. Cụm phrasal verb put SB under ST đc hiểu chung là đặt ai dưới cái gì, trong trường hợp này, chúng ta hiểu là khiến ai đó rất áp lực. "he put me under a lot of pressure to work longer hours".

Chưa hết, người quản lý đó còn bịa ra những lời đồn về việc a nhân viên này là người lười biếng và không đáng tin cậy **"He also made up rumors that I was lazy and unreliable"**. Và cuối cùng, chính vì không thể chịu nổi những điều này nên a nhân viên đó đã quyết định thôi việc **"Eventually, I decided that I couldn't put up with it anymore, and resigned"**. Put up with có nghĩa là chịu đựng ai hay việc gì đó. "Eventually, I decided that I couldn't put up with it anymore, and resigned".

Thật may là anh chàng này đã kịp dành dụm 1 số tiền nhỏ để tự thưởng cho bản thân 1 kỳ nghỉ sau khi nghỉ việc: **"Fortunately, I had managed to put aside a bit of money, and so I decided to take a well-deserved holiday"**. Put aside có nghĩ tương tự như động từ "spend", tức là để dành, dành dụm. "Fortunately, I had managed to put aside a bit of money, and so I decided to take a well-deserved holiday".

Anh chàng này quả là bất hạnh khi gặp phải 1 người quản lý vô cùng khó chịu và đối trá như vậy. Quyết định thôi việc quả là 1 sự việc tất yếu và rất đúng đắn, các bạn có đồng ý với mình không? Nếu là anh ta, các bạn sẽ làm như thế nào?

Vậy là bài học kết thúc tại đây. Ahh, trước khi nói lời tạm biệt, các bạn hãy cùng mình ôn lại 4 cụm phrasal verbs với động từ "put" mà chúng ta đã học nhé: put forward (đưa ra, đề xuất, trình bày), put under (đặt vào tình huống nào đó, khiến ai cảm thấy ntn), put up with (chịu đựng) và put aside (để dành, tiết kiệm, dành dụm).

Hãy luôn theo dõi và ủng hộ Step Up Radio. Xin cảm ơn các bạn!

Chào mừng các bạn đến với Step Up Radio. Mình là Linh.

Ở bài học trước chúng ta đã tìm hiểu về 4 phrasal verbs vs động từ “put”, tiếp tục các chủ đề về thành ngữ, chúng ta sẽ làm quen với 1 số phrasal verbs với động từ “cut”.

Trước hết mình sẽ cung cấp 5 phrasal verbs với động từ “cut”: **cut in, cut down on, cut off, cut SB off và cut ST out**. Giờ thì các bạn đã biết 5 phrasal verbs sẽ được học xuyên suốt bài học này, với mỗi câu giải nghĩa sau, hãy chọn 1 trong 5 phrasal verbs mà mình đã cung cấp nhé!

Câu thứ 1, **You’re speaking and someone else stops you from talking by saying or doing something**x2 (Bạn đang nói và có ai đó dừng việc bạn nói = Cách nói hay làm việc gì đó)

Câu thứ 2, **Take something away or off from the position occupied**x2 (Lấy thứ gì đó đi hoặc ra khỏi vị trí mà nó đang ở đó)

Câu thứ 3, **Make ST smaller or less in amount, Degree or size**x2 HOẶC **reduce ST from your diet**x2 (cụm phrasal verbs này có 2 nghĩa, hoặc là khiến cái gì đó giảm về số lượng, mức độ, kích thước hoặc có nghĩa là cắt giảm cái gì đó trong khẩu phần ăn của bạn)

Câu thứ 4, **Interrupt a telephone conversation by breaking the connection**x2 hoặc **cease an event, action, or progress to happen** (làm gián đoạn cuộc nói chuyện qua điện thoại = cách làm hỏng hoặc ngưng sự kết nối, hay dừng 1 sự kiện, 1 hoạt động hay tiến trình lại)

Và cuối cùng, câu thứ 5, **Suddenly refuse to take notice of or acknowledge intentionally**x2 (đột nhiên từ chối không để ý đến hoặc nhận ra ai đó 1 cách có chủ ý)

Các bạn hãy nghe lại và thử đoán xem, nghĩa của 5 phrasal verbs trên ở đâu nhé!

Các bạn đã có đáp án của mình rồi phải không? Hãy cùng kiểm tra lại vs mình nhé!

Câu thứ 1, You’re speaking and someone else stops you from talking by saying or doing something, đây là lời giải thích nghĩa cho cụm phrasal verb cut in. Nếu ai đó “cut” khi bạn đang nói để chen vào trong cuộc hội thoại “in” thì tức là họ đang cut in bạn phải không? **Cut in**, nghĩa tương đương vs từ “**interrupt**”.

Câu thứ 2, Take something away or off from the position occupied. Đây là nghĩa của cụm động ngữ cut ST out. Nếu cái gì đó bị “cut” ra ngoài khỏi cái gì đó tức là nó đang bị cut out. **Cut ST out**, = nghĩa vs động từ “**remove**”.

Câu thứ 3, Make ST smaller or less in amount, degree or size hoặc reduce ST from your diet chính là 2 cách lý giải chính cho cụm phrasal verb cut down on. Cut down on thường được sử dụng để nói về sự cắt giảm nhân công chi phí hay về ăn uống, giống như từ “Reduce” hay “Stop eating ST”.

Câu thứ 4, interrupt a telephone conversation by breaking the connection hay cease an event, action, or progress to happen là 2 cách giải nghĩa điển hình cho cụm cut off. **Cut off** trong trường hợp này có nghĩa giống như từ “disconnect” và “stop”.

Câu thứ 5, suddenly refuse to take notice of or acknowledge intentionally là nghĩa của cụm cut SB off. Cut SB off trong trường hợp này tương tự nghĩa vs động từ “ignore”.

Cả 5 cụm động ngữ này đều có những cách giải thích nghĩa khác. Vì vậy, các bạn hãy sử dụng từ điển và kiểm tra lại các ngữ nghĩa khác của chúng tránh hiểu lầm nhé!

Vậy là chúng ta đã làm quen vs 5 phrasal verbs cũng như ngữ nghĩa của chúng. Bây giờ hãy kiểm lại trí nhớ của bạn = bài tập điền từ cho 7 câu sau đây. Lưu ý 1 phrasal verb có thể đc dùng đến 2 lần nhé!

He didn't pay his bill, so the company... his electricity.

I wish you wouldn't... Me... While I'm talking.

She decided to... Sweet things so as to lose weight.

I don't understand why all my friends have... Me...

We were in the middle of a telephone conversation and when we were suddenly...

The traffic noise is terrible, and even closing the windows doesn't...it...

We will have to... Staff costs at work if we want to continue operating as normal.

...

Hãy cùng kiểm tra bạn có nhớ chính xác không nhé?

Câu thứ 1, đáp án là He didn't pay his bill, so the company cut off his electricity (Anh ta đã không trả tiền hóa đơn nên công ty điện đã cắt điện nhà a ta)

Câu thứ 2, I wish you wouldn't cut me in while I'm talking (Tôi mong rằng bạn sẽ không cắt ngang lời tôi khi tôi đang nói nữa)

Câu 3, She decided to cut down on sweet things so as to lose weight (Cô ấy quyết định ngưng giảm ăn những đồ ngọt lại để giảm cân)

Câu 4, I don't understand why all my friends have cut me off (Tôi không rõ tại sao đột nhiên tất cả bạn bè đều phớt lờ tôi)

Đáp án câu 5 là We were in the middle of a telephone conversation when we were suddenly cut off (Chúng tôi đang nói chuyện dở thì đột nhiên bị mất kết nối)

Câu thứ 6 sẽ là The traffic noise is terrible, and even closing the windows doesn't cut it out (Tiếng ồn giao thông thật là khủng khiếp, và thậm chí đóng cửa rồi vẫn k thể bớt hơn đc chút nào)

Cuối cùng, đáp án câu thứ 7 là We will have to cut down on staff costs at work if we want to continue operating as normal (Chúng ta sẽ phải cắt giảm chi phí nhân công nếu như chúng ta muốn tiếp tục hoạt động như bt)

Bài học đến đây là kết thúc. Keep practicing guys!

Hãy luôn theo dõi và ủng hộ Step Up Radio. Xin cảm ơn các bạn!

Chào mừng các bạn đến vs Step Up Radio. Mình là Linh.

Ở bài học trước, các bạn đã được cung cấp 1 số phrasal verbs hay “động ngữ” và thành ngữ sử dụng động từ “come”. Bài học này chúng ta sẽ tiếp tục khám phá thêm 3 phrasal verbs và 3 thành ngữ sử dụng động từ “come”!

Đầu tiên hãy cùng đến với 3 phrasal verbs đc sử dụng có thể nói vô cùng thông dụng trong cả giao tiếp doanh nghiệp cũng như các tình huống thường ngày:

Thứ 1, **come across**. Phrasal verb come across có nghĩa là gặp ai đó hay tìm thấy cái gì đó 1 cách tình cờ, bất ngờ. VD: “Have you ever come across such a horrible person in all your life? (Đã bao giờ bạn bắt gặp 1 con người tồi tệ nào trong cả cuộc đời bạn chưa?)

Cụm phrasal verb thứ 2 này đc bắt gặp thường xuyên khi mô tả bạn đến từ đâu **come from**. “I’m American, but my parents come from Vietnam”

Thứ 3 là **phrasal verb come up with**. Come up with có nghĩa là nảy ra, đưa ra ý tưởng hay kế hoạch, dự định. Chẳng hạn: “We need to come up with a plan that will make us a lot of money” (Chúng ta cần phải đưa ra 1 kế hoạch nào đó mà có thể kiếm được rất nhiều tiền)

Các bạn hãy chú ý rằng, phrasal verb come across trong 1 hoàn cảnh khác sẽ mang 1 nét nghĩa hoàn toàn khác. Hãy sử dụng từ điển để tìm xem nét nghĩa khác của nó nhé!

Ở phần thứ 2 của bài học này, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu 3 idioms hay thành ngữ với động từ “come” qua đoạn hội thoại sau:

1: You such a jerk!

2: Come again?

1: You heard me. I saw you was with a woman last night!

2: Baby, listen, I think you’re misunderstanding something.

1: I’m not. I saw that with my naked eye.

2: Who’re you talking about?

1: Didn’t you have dinner with a long-haired woman in the jeans and leather jacket?

2: Ah right. How come you saw that?

1: I had gone into town to do some shopping and saw the two of you. Who was she? And don’t lie, I have photos as evidence here in my hand.

2: Oh come on, she was my new boss and as a junior colleague, I should treat her out for dinner for the sake of work.

1: Uhm, are you serious?

2: I am more than serious. If you still don’t believe me, you can come with me to my office tmr morning. But you know what, when it comes to making false assumptions, you win, honey!

Đoạn hội thoại vừa rồi diễn ra giữa 1 đôi do sự hiểu nhầm về việc cô bạn gái đã tưởng rằng a bạn trai hôm qua đã đi ăn tối với 1 người phụ nữ khác nhưng thực ra đó lại là sếp mới của anh ấy. Với tư cách là 1 nhân viên cấp dưới cũng như vì sự thuận lợi tổng công việc sau này mà anh ta đã phải mời sếp của mình ăn tối. Các bạn hãy nghe lại đoạn hội thoại này 1 lần nữa và ghi chép lại những đoạn có từ “come” và đoán xem đâu là 3 thành ngữ mà chúng ta sẽ học nhé!

Sau khi bị cô bạn gái mắng chửi là 1 thằng đểu, anh bạn trai đã nói Come again? Come again là 1 cách nói thân mật đề nghị người kia nhắc lại những gì họ đã nói. Come again? Khi đọc hãy lên giọng 1 chút ở cuối câu nhé!

Tiếp theo, sau khi nhận ra chính xác cô bạn gái đã hiểu lầm thì anh chàng này đã hỏi lại xem cô gái này làm thế nào mà đã nhìn thấy, a ta nói “How come you saw that?” How come có nghĩa là làm thế nào hay tại sao ch gì đó đã xảy ra và thay vì nói cả câu như “How come you saw that?” thì hoàn toàn có thể chỉ nói How come?.

Cuối cùng, khi cô gái đã nhận ra mình hiểu lầm bạn trai thì a chàng này đã đưa ra 1 câu nhận xét rất thú vị “... when it comes to making false assumptions, you win, honey!”, tức là nói đến chuyện đưa ra những suy đoán sai trái thì cô gái này rất giỏi. Thật là 1 lời trách mắng rất thông minh. When it comes to mang nghĩa khi nhắc đến ch gì, khi ch gì đc nói tới. 1 VD khác: “When it comes to holiday, I prefer something lazy” (Khi nói đến các kỳ nghỉ thì tôi thích làm cgi đó lười biếng 1 chút).

Hãy cùng điểm lại 3 cụm phrasal verbs và 3 thành ngữ vs từ “come” đã học để kết thúc bài học nhé! Come across, come from, come up with, Come again?, How come? và When it comes to.

Hãy luôn theo dõi và ủng hộ Step Up Radio. Xin cảm ơn các bạn!

Chào mừng các bạn đến với Step Up Radio. Mình là Linh.

Hôm nay chúng ta hãy cùng khám phá 1 vài cụm phrasal verbs và thành ngữ thông dụng trong tiếng Anh đi kèm vs động từ “set” nhé!

Trước hết, hãy xem xét VD sau và đoán xem, đâu là phrasal verb mà chúng ta sẽ nhắc tới và nghĩa của nó nhé! **“If you have set off your trip, you have just started it”**. Đó là **set off**. Set off mang nghĩa là khởi hành 1 chuyến đi. Chẳng hạn: **“We set off early the next morning”** (Chúng tôi sẽ khởi hành sớm vào sáng ngày mai)

Tiếp theo, cùng là động ngữ **set up** nhưng hãy xem liệu có sự khác nhau nào trong 2 VD sau không nhé!

“She claims she’s innocent and someone has set her up”

Và **“The group plans to set up an import-export business”**

Chắc chắn là cụm set up trong 2 câu vừa rồi có sự khác biệt về ngữ nghĩa rồi. Câu thứ 1 tạm dịch là “Cô ấy khẳng định rằng cô ấy vô tội và có ai đó đã bày mưu hãm hại cô ấy”, câu 2 có thể hiểu là “Nhóm quyết định sẽ thành lập 1 doanh nghiệp xuất-nhập khẩu”.

Như vậy, ta có thể thấy, if someone sets you up, they have arranged a situation so that you’re blamed, especially if it’s illegal, tức là nếu ai đó dùng dạng set SB up, nó có nghĩa là ai đó đã đang sắp xếp 1 tình huống để bạn có tội, đặc biệt là những việc trái pháp luật. Tuy nhiên, ở VD thứ 2, if you set up a company, you have started a business, set up lại mang nghĩa là thành lập 1 công ty hay doanh nghiệp. Các bạn nhớ nhé, set SB up tức là dựng chuyện khiến ai đó phạm tội, có lỗi còn set up lại mang nghĩa thành lập công ty.

Cụm phrasal verb thứ 3 là set aside. **Set aside** có nghĩa tương tự như cụm phrasal verb mà chúng ta đã học vs động từ “put”, “put aside”, if you set aside some money, you save money to use for a particular purpose, tức là để dành tiền, tiết kiệm 1 số tiền. VD: **“We’ve set aside some money for a holiday”** (Chúng tôi đã dành dụm được 1 ít tiền cho kì nghỉ)

Sau đây chúng ta sẽ cùng tìm hiểu 2 câu thành ngữ vs động từ “Set”:

- **If you have your heart set on ST, you want ST very much.** Câu thành ngữ mà chúng ta học ở đây là have your heart set on ST. Trái tim của bạn đã đặt ở đâu thì điều đó có nghĩa là bạn rất yêu thích cái gì và mong muốn có được nó rất nhiều. Have your heart set on ST. VD: “I have my heart set on the new Iphone 6 Plus”.

- **If you are set up for life, you have or have been given enough money so that you do not have to work for the rest of your life.** Đây là 1 câu thành ngữ để chỉ về việc bạn có hoặc đã đang được cung cấp đầy đủ tiền bạc mà bạn không cần phải lao động, làm việc trong suốt cuộc đời còn lại của bạn, set up for life. Chẳng hạn như “Her inheritance set her up for life” (Gia tài mà cô ấy được thừa hưởng đã lo hết cho cuộc sống của cô ta rồi)

Như vậy, chúng ta đã học được 3 phrasal verbs và 2 thành ngữ vs động từ “Set”, đó là:

- Set off (khởi hành)
- Set up (khởi nghiệp, mở công ty)
- Set SB up (dựng chuyện hãm hại ai đó)
- Have your heart set on ST (muốn có cái gì đó vô cùng)
- Set up for life (có đầy đủ mọi thứ và không phải đi làm để kiếm tiền lo cho cs)

Đến đây là kết thúc bài học.

Hãy luôn theo dõi và ủng hộ Step Up Radio. Xin cảm ơn các bạn!

Chào mừng các bạn đến với Step Up Radio. Mình là Linh.

Ở bài học này, Linh sẽ giới thiệu đến các bạn 1 số động ngữ, hay phrasal verbs và thành ngữ đi liền với động từ “turn” nhé! Hãy cùng bắt đầu thôi nào.

Đầu tiên, hãy cùng tìm hiểu xem cụm **turn in** có những nét nghĩa nào thông qua 2 cách giải nghĩa sau:

1. To tell the police about someone or take them to the police because they have committed a crime.
2. Informal saying, to go to bed at night.

Như vậy, cụm **turn in** có 2 nghĩa cơ bản:

1. Báo với công an hay đưa ai đó phạm tội tới thú tội vs công an. VD: “His own brother turned him in”
2. Turn in cũng là 1 cách nói thân mật, = nghĩa với động từ “sleep”, tức là đi ngủ. VD: “It’s getting late. I think I’ll turn in”

Tiếp theo, chúng ta có phrasal verb **turn on**. Hãy xem xét VD sau: “Is your computer turned on?”. Trong trường hợp này, nghĩa của turn on đc giải thích như sau: “to start using a piece of equipment by pressing a button or moving a switch”, tức là để bắt đầu sử dụng 1 thiết bị = cách nhấn vào 1 nút hay di chuyển công tắc. Câu VD vừa rồi có thể hiểu là máy tính của cậu đã đc bật lên chưa.

Tiếp nữa, hãy cùng so sánh nghĩa của cụm turn up và turn down trong 2 VD sau đây:

1. I can’t hear the radio. Can you turn it up?
2. I can’t focus on studying. Can you turn the music down a bit, please?

Câu thứ 1, tôi k thể nghe đc đài ra-đi-ô. Vậy ng nghe chắc chắn đang yêu cầu đối phương bật đài to lên hơn rồi. Vậy turn up trong trường hợp này có nghĩa là, to increase the amount of sound, light, etc, produced by a piece of equipment, tăng âm lượng của âm thanh, tăng ánh sán..., vv bằng 1 thiết bị, tương tự như cụm “switch on”

Trong khi đó ở câu thứ 2, người nói k thể tập trung học đợc nên đã yêu cầu người khác vặn nhỏ âm thanh của tiếng nhạc đi. Như vậy, trong trường hợp này, turn down lại có nghĩa trái ngược vs turn up, to reduce the amount of sound, heat or light produced by a piece of equipment by pressing a button or moving a switch, tức là giảm âm lượng của âm thanh, hay giảm sáng, vv giống cụm “switch off”

Ngoài ra, turn down còn có 1 nét nghĩa khác khá thông dụng đc giải thích như sau, to refuse to accept an offer or request, tức là từ chối chấp nhận 1 đề nghị hay yêu cầu. Chẳng hạn như: “I don’t believe he turned down my offer of help”.

Tương tự, turn up cũng có 1 nét nghĩa khác như sau, to come somewhere unexpectedly or without making a firm arrangement, đến đâu đó 1 cách tình linh, đột xuất hoặc k có sắp đặt chắc chắn trc đó. VD: “You don’t need to reserve a table: just turn up”

Như đã đề cập ban đầu, giờ chúng ta sẽ cùng tìm hiểu 1 cụm thành ngữ vs từ “turn” nhé! Hãy xem xét VD sau đây: “I’ve done everything I can to help you, but I feel I’ve done enough” - “But you can’t just **turn your back** on me like this!”. Tạm dịch là “Tôi vừa làm tất cả những gì có thể để giúp cô rồi và tôi thấy như vậy là đủ rồi - Nhưng a k thể quay lưng lại vs tôi như này đc!”. Thành ngữ **t** có nghĩa là quay lưng hay phản bội lại ai đó. Turn your back on SB.

Luyện tập luôn là 1 cách hay để ghi nhớ. Vậy thì chúng ta sẽ cùng dịch 1 số câu sau có chứa các cụm phrasal verbs và thành ngữ vừa học nhé!

1. The thief was caught red-handed and immediately turned in by the localsx2 (Câu này dịch là: Kẻ trộm bị bắt quả tang và ngay lập tức bị áp giải đến công an bởi người dân)
2. On my last birthday, my ex just turned up as I had assumedx2 (Trong lần sinh nhật trước, ex cũ của tôi đã xuất hiện thình lình như tôi đã dự đoán trc đó)
3. Mommy, I've got a good result in the math test, can you please let me turn on the TV and watch it for an hour?x2 (Mẹ ơi con đã đạt đc kết quả tốt trong bài thi toán rồi mẹ cho phép bật tv và xem khoảng 1 tiếng nhé?)
4. That's alright. On the condition that you have to turn the TV down a little so that your dad's not distracted. OK?x2 (Vây cũng đc. Vs điều kiện con đừng bật TV quá to để bố con k bị phân tâm nhé?)
5. Me and my ex broke up because he turned his back on me while **I was studying abroad**x2 (Em và ex cũ chia tay bởi vì anh đã anh đã phản bội e khi e đang đi du học)
6. Mr. Tom, would you mind turning up the light at the bottom of the class? It's very dark around herex2 (Thầy Tom ơi liệu thầy có thể chỉnh cho đèn sáng hơn 1 chút ở phía cuối lớp học đc k ạ? Ở đây rất tối)
7. Some of my friends just suddenly cut me off and turned down all my invitation of travelingx2 (1 vài ng bạn đột nhiên lảng tránh tôi và từ chối mọi lời mời đi du lịch của tôi)
8. Hey, I think we'd better stop chatting here. I need to turn in because there's a final test tomorrow morningx2 (tớ nghĩ chúng ta nên ngừng nc ở đây. T cần đi ngủ vì sáng mai có 1 bài kiểm tra cuối kỳ) Bài tập vừa rồi cũng đã kết thúc bài học tại đây.

Hãy luôn theo dõi và ủng hộ Step Up Radio. Xin cảm ơn các bạn!

Chào mừng các bạn đến vs Step Up Radio. Mình là Linh.

Chủ đề bài học hôm nay của chúng ta sẽ là các phrasal verbs và thành ngữ vs động từ “work”. Liệu các bạn đã nghe qua hay biết đến các động ngữ hay thành ngữ liên quan đến động từ “work” chưa? Dù câu trả lời là gì, hãy cùng làm giàu vốn từ của bản thân hơn thông qua bài học này nhé!

Chúng ta đã biết chủ đề bài học hôm nay rồi, vậy sau đây sẽ là thử thách cho tất cả các bạn. Hãy thêm 1 trong 2 giới từ on hoặc out sau động từ “work” trong các câu sau nhé!

1. The exact details of the event haven't been worked... Yet
2. We'll have to work... Joey to find out what's going on.
3. I've finally worked... what that strange noise in the attic is.
4. The total cost of our holiday last year, including flights and accommodation, worked... at about \$300.
5. Unless we work... getting fit before the game, we won't win.

Giờ thì chúng ta sẽ thử kiểm tra các bạn đã đoán hay trí nhớ của bạn có đúng không nhé. Đáp án như sau:

1. The exact details of the event haven't been worked out yet (work out ở câu này mang nghĩa, to decide or agree on ST, quyết định hay đồng ý việc gì. Chi tiết chính xác về sự kiện vẫn chưa đc quyết định)
2. We'll have to work on Joey to find out what's going on (work on ở câu này mang nghĩa, try to influence someone, often in order to get information from them, cố gắng thuyết phục ai đó, thường để lấy thông tin từ họ. Chúng ta phải cố gắng thuyết phục Joey để tìm hiểu xem chuyện gì đang xảy ra)
3. I've finally worked out what that strange noise in the attic is (Trong câu này, work out lại có 1 nghĩa khác, to solve a problem by considering the facts, giải quyết 1 vấn đề bằng cách cân nhắc các sự việc, bằng chứng. Cuối cùng thì tôi đã tìm ra đc tiếng lạ đó ở tầng gác mái là gì)
4. The total cost of our holiday last year, including flights and accommodation, worked out at about \$300 (work out trong hoàn cảnh này mang nghĩa, to add up to a particular amount, thêm hay tăng lên 1 số lượng nhất định. Tổng chi phí cho kỳ nghỉ năm ngoái, bao gồm vé máy bay và chỗ ở, tăng lên vào khoảng 300 đô)
5. Unless we work on getting fit before the game, we won't win (Trừ phi chúng ta luyện tập để khỏe mạnh và thon gọn trc trận đấu, nếu k chúng ta sẽ thua. Vậy work on ở đây có nghĩa là to spend time producing or improving something, dành thời gian sản xuất hay cải thiện điều gì, nói cách khác là luyện tập).

Tóm lại, cụm work on có 2 nghĩa cơ bản, đó là thuyết phục ai đó để lấy thông tin và luyện tập để cải thiện hay sản xuất.

Còn work out có 3 nghĩa khác nhau: quyết định hay đồng ý việc gì, tìm ra hay giải quyết việc gì, và tăng thêm 1 số lượng nhất định.

Tiếp theo sẽ là 2 câu thành ngữ vs động từ “work” mà các bạn có thể sẽ sử dụng hàng ngày, đó là những thành ngữ nào?

1 ngày đẹp trời nào đó bạn được 1 đứa bạn cùng phòng hay a người yêu nấu cho 1 bữa ăn thịnh soạn, đầy đủ các món từ xúc xích, thịt lợn muối xông khói, trứng, bánh mì, nấm, cà chua, các loại hạt đậu,...vv Khi đó bạn có thể thốt lên rằng “I had the whole works!”. Nó có nghĩa là bạn đã ăn đủ mọi thứ trong bữa ăn. Ngoài cách nói the whole works, bạn cũng có thể nói the full works hay the full Monty (m-o-n-t-y). Chẳng hạn: “He cooked us a fantastic breakfast. We had the whole works!” (Hay we had the full works và we had the full Monty)

Câu thành ngữ thứ 2 sẽ đặc biệt hữu ích cho các bạn học sinh sinh viên trong các dịp như thi cử hay các kì thi quan trọng cận kề work your socks off (s-o-c-k-s). Work your socks off có nghĩa là bạn cần phải học rất chăm chỉ để vượt qua các kì thi. VD: “You’ll pass your exam, but only if you work your socks off”. Vs những ng đến từ Mỹ thì họ lại nói là work your butt off (b-u-t-t). Do vậy, câu VD vừa rồi có thể nói là “You’ll pass your exam, but only if you work your butt off”

Trong phần thứ 2 của bài học, chúng ta đã học đc 2 thành ngữ vs động từ “work”, đó là:

- The whole works hoặc, the full works, the full Monty = tức là bạn đã ăn mọi thứ trong bữa ăn
- Work your socks off hay work your butt off theo người Mỹ, cả 2 cụm đều mang nghĩa học hành thật chăm chỉ để vượt qua các kì thi

That’s all for today. Always work your butt off!

Hãy luôn theo dõi và ủng hộ Step Up Radio. Xin cảm ơn các bạn!

Chào mừng các bạn đến với Step Up Radio. Mình là Linh.

Tiếp tục các chủ đề về động ngữ & thành ngữ đi vs các động từ, các bạn có biết động từ ấy là gì không? Hãy đoán xem thông qua 1 gợi ý nho nhỏ này nhé “This word has 4 letters, starting with “p” and it means to detach, remove or lift ST from where it is”... (đây là 1 từ có 4 chữ cái, bắt đầu bằng chữ “p” và nó có nghĩa là tháo gỡ, di chuyển hay lấy ra hoặc nhấc cái gì khỏi vị trí của nó). Đến đây các bạn đã tìm ra động từ gắn vs bài học này chưa? Chính xác, đó là động từ “pick”. Còn chần chờ gì nữa, hãy bắt đầu phần chính của bài học ngay bây giờ nhé!

Sau đây chúng ta sẽ cùng làm 1 bài tập để nhận biết các phrasal verbs vs động từ “pick” bằng cách hãy chọn 1 trong 3 giới từ sau và điền vào các câu b sao cho nó có cùng nghĩa với câu a nhé: up, on, và out.

Cụm câu đầu tiên,

Câu a: I don’t speak German, but I managed to learn a few phrases without intending to when I was in Munich.

Câu b: I don’t speak German, but I managed to pick _____ a few phrases when I was in Munich.

Cụm câu thứ 2:

Câu a: The manager always treats me unfairly or criticises me.

Câu b: The manager always picks me _____.

Cụm câu thứ 3:

Câu a: Have you chosen a dress from your collection to wear to the party?

Câu b: Have you picked _____ a dress to wear to the party?

Cụm câu thứ 4:

Câu a: I couldn’t see her in the huge crowd.

Câu b: I couldn’t pick _____ in the huge crowd.

Và cụm câu thứ 5:

Câu a: We’ll send a car to collect you from the hotel.

Câu b: We’ll send a car to pick you _____ from the hotel.

...

Chúng ta hãy cùng kiểm tra lại xem các bạn đã đưa ra đc bao nhiêu đáp án đúng cho bài tập vừa rồi nhé!

Cụm câu 1: I don’t speak German, but I managed to pick up a few phrases when I was in Munich (Tôi không nói tiếng Đức, nhưng tôi đã có thể học hỏi đc 1 vài câu khi tôi còn ở Mu-ních). Như vậy, **pick up** trong câu này mang nghĩa học hỏi, **pick up**.

Cụm câu 2: The manager always picks me on. (Người quản lý luôn luôn đối xử k công = vs tôi) Cụm phrasal verb **pick SB on** mang nghĩa ai đó phân biệt đối xử với bạn, không có ý tốt với bạn. **Pick SB on**.

Cụm câu thứ 3: Have you picked out a dress to wear to the party? (Bạn đã chọn ra được chiếc váy nào để mặc cho buổi tiệc chưa?). **Pick out** ở đây mang nghĩa chọn ra, chọn được. **Pick out**.

Cụm câu thứ 4: I couldn’t pick her out in the huge crowd (Tôi đã không thể tìm ra cô ấy trong 1 đám đông khổng lồ như vậy). **Pick SB out** mang nghĩa tìm ra, nhận ra ai đó. **Pick SB out**.

Và cụm câu cuối: We’ll send a car to pick you up from the hotel (Chúng tôi sẽ điều 1 xe ô tô để đón ông từ khách sạn). **Pick SB up** mang nghĩa là đưa đón ai đó. **Pick SB up**.

Như vậy, chúng ta đã học được các cụm phrasal verbs như sau:

- **Pick up** mang nghĩa là học hỏi, trong khi đó **pick SB up** lại có nghĩa là đưa đón ai đó.
- **Pick out** là chọn ra, chọn đc, còn **pick SB out** lại mang nghĩa nhận ra, tìm ra ai đó.
- **Pick SB on** mang nghĩa phân biệt đối xử vs ai, đối xử k công =.

Tiếp tục, chúng ta sẽ cùng học thêm 2 thành ngữ phổ biến vs động từ “pick”, đó là:

- **Pick a fight.** “You’ve disagreed on everything I’ve said. Are you trying to pick a fight?”, câu này có nghĩa tương đương vs cách nói “You’ve disagreed on everything I’ve said. Are you trying to start an argument?”, như vậy thành ngữ pick a fight có nghĩa là start an argument, tức là gây chuyện, gây chuyện để cãi nhau. Pick a fight.

- Thành ngữ thứ 2 là **pick your brains**. Câu nói “I need some help buying a computer and wondering if I could pick your brains?” tương đương vs câu “I need some help buying a computer and wondering if I could ask you some questions so that you can give me the right advice”. Do đó, pick your brains có nghĩa là “Ask you some questions so that you can give me the right advice”, hay hỏi ý kiến ai đó. Pick your brains.

That’s all for today. Keep up the good work and you’ll get what you want!

Hãy luôn theo dõi và ủng hộ Step Up Radio. Xin cảm ơn các bạn!

Chào mừng các bạn đến với Step Up Radio. Mình là Linh.

Các bạn biết không, ngoài cách nói "Success attends you" hay "I wish you success", ta có cách khác hay hơn rất nhiều "Break a leg". Hay "Cái đồng hồ này quá đắt", dịch thông thường chúng ta có thể nói "This watch's very expensive" thì cũng có thể nói cách thú vị hơn "This watch costs an arm and a leg"...vv Những câu nói như "Break a leg" hay "ST costs an arm and a leg" được gọi là những thành ngữ sử dụng bộ phận cơ thể (Idioms using parts of the body). Chúng giúp câu nói của bạn trở nên thú vị hơn, k nhàm chán, cứng nhắc và giúp bạn ghi điểm khi tham dự các kỳ thi ngôn ngữ đấy! Đây cũng chính là chủ đề bài học của hôm nay. Các bạn hãy cùng mình khám phá thêm 1 số câu nói thông dụng khác nhé!

Đứa bạn của bạn đang chuẩn bị dọn ra ngoài ở riêng và bạn muốn giúp đỡ họ khi họ dọn đồ chuyển nhà phải không? Bạn sẽ nói: **"I'll help you when you move out"**. Nếu là mình, mình sẽ nói **"I can give you a hand when you move out"** hoặc **"I can lend you a hand when you move out"**. **"Give" hoặc "Lend" SB a hand**, có nghĩa đen là "cho mượn 1 cái tay". Ai cũng có 2 cánh tay, giúp bản thân chúng ta sinh hoạt trong các công việc hằng ngày. Khi bạn đã sử dụng cả 2 cánh tay nhưng vẫn chưa hết việc, người khác có thể cho bạn mượn 1 cánh tay để giúp bạn. **"Give/Lend SB a hand"**

Bác của bạn có 1 chú chó vô cùng đáng yêu láu lỉnh nhưng một nỗi nó rất hay rình mò lúc không ai để ý là ăn vụng thức ăn trên mâm. Bác của bạn cần phải nghe 1 cuộc điện thoại quan trọng ở phòng khách và rất lo lắng chú chó sẽ lại "chúng nào tạt nấy", khi đó bạn có thể giúp bác ấy bằng cách để mắt đến chú chó, **"I'll keep an eye on the dinner while you're on the phone"**. **"Keep an eye on ST"** tức là để mắt, chú ý vào cái gì để bảo vệ nó. Các bạn có thể tham khảo 1 cách khá vui nhộn để nhớ thành ngữ này như sau: Bạn có 2 mắt, 1 mắt dùng để nhìn, mắt còn lại dùng để quan sát và quan tâm đến những vấn đề đặc biệt khác, vậy nên bạn sẽ phải **"keep an eye on"** thứ đó.

Khi muốn động viên ai đó, ngoài các câu nói thông thường "Don't be sad", "Be happy", chúng ta có thành ngữ vs chiếc cằm như sau **"keep one's chin up"** (nghĩa đen tạm dịch là giữ cằm hướng lên trên). Tại sao lại là với chiếc cằm nhỉ? Các bạn có để ý rằng khi phấn khởi hay vui vẻ thì khuôn mặt của chúng ta thường ngược lên trên, đồng nghĩa vs chiếc cằm cũng được nâng lên. Dựa vào chi tiết thú vị này, con người đã sáng tạo ra câu nói **"keep one's chin up"** khi muốn khuyên ai đó hãy luôn vui vẻ, lạc quan. Chẳng hạn **"Keep your chin up. I'm sure you'll manage to find a job soon"** (Hãy lạc quan nhé! Tôi chắc rằng bạn sẽ sớm tìm đc 1 công việc thôi!)

Uhm, các bạn có biết 1 thành ngữ nào liên quan tới tóc không nhỉ? Nếu không thì hãy thử đoán thành ngữ đó qua những gợi ý sau của mình nhé? Con gái thường có bộ tóc dài, và đặc biệt trong những ngày hè nóng bức thì những kiểu tóc búi hay buộc đuôi ngựa thường đc rất ưa chuộng. Tuy nhiên, nếu liên tục trong 1 khoảng thời gian dài búi hay buộc tóc như vậy sẽ khiến cho da đầu bị tổn thương và đôi khi là gây ra chứng đau đầu cho các bạn gái. Vì vậy, ở những nơi mát mẻ hay lúc đi ngủ thì là lúc để chúng ta xả tóc, thư giãn cho da đầu. Nghe đến đây đã có bạn nào hình dung ra câu thành ngữ mà mình đang ám chỉ vs tóc không? Đúng, đó chính là câu **"keep one's hair down"** (xả tóc). Dựa vào lời giải thích trên của mình, câu nói này mang nghĩa là xả hơi, thư giãn, giải trí, giống như "relax" hay "have fun". VD như: **"After a whole week on the business trips, I deserve to keep my hair down this weekend"** (Sau gần cả tuần đi công tác, tôi xứng đáng được nghỉ ngơi thư giãn cuối tuần này).

Thành ngữ cuối cùng liên quan đến bộ phận cơ thể mà mình muốn giới thiệu bài học này là **"sweet tooth"**. "Sweet" là ngọt, "tooth" là răng, vậy nghĩa đen ta hiểu là "răng ngọt", tức là răng ăn hoặc thích đồ ngọt. Vậy nghĩa của "sweet tooth" là "ưa đồ ngọt, thích ăn đồ ngọt". Rõ ràng các em bé là fan trung thành của các đồ ngọt như kẹo, bánh, nước ngọt... **"Obviously children have a sweet tooth. They love sweet and coke a lot"**

That's all for today. Thank you for your time and attention. Break a leg, my friends!

Hãy luôn theo dõi và ủng hộ Step Up Radio. Xin cảm ơn các bạn!

Chào mừng các bạn đến vs Step Up Radio. Mình là Linh.

Ở buổi trc, chúng ta đã cùng nhau học 1 số thành ngữ vs bộ phận cơ thể: tay, mắt, cằm, tóc, răng, chân, cánh tay, bạn còn nhớ chứ? "Give/Lend SB a hand" (giúp đỡ ai đó), "keep an eye on" (để mắt, chú ý tới), "keep one's chin up" (giữ lạc quan, vui vẻ), "keep one's hair down" (ngủ ngơi, thư giãn), "sweet tooth" (thích ăn đồ ngọt), "Break a leg" (chúc thành công), và "cost an arm and a leg" (quá đắt). Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau học thêm 6 thành ngữ liên quan đến quần áo nhé!

Trước hết là "mũ". Bạn có biết hay nhớ thành ngữ nào liên quan đến "cái mũ" không? Có thể có 1 vài thành ngữ liên quan đến "mũ" nhưng câu mình muốn giới thiệu đến các bạn là **"take your hat off to someone"** (ngả mũ trước ai đó). Quả thực từ xa xưa, khi những chiếc mũ là 1 vật dụng không thể thiếu khi ra ngoài của con người, họ sẽ chào người khác bằng cách cúi mũ và hơi cúi mình trước người khác kèm theo 1 số nghi thức khác. Đồng thời, hành động đó còn được hiểu là sự tôn trọng, ngưỡng mộ của người đó dành cho người đối diện. Chính vì vậy, câu nói **"take your hat off to someone"** ra đời mang nghĩa, bạn ngưỡng mộ hay tôn trọng ai đó vì những thành tựu ấn tượng của họ. Chẳng hạn **"I believe everybody would take their hat off to Uncle Ho once they study about his noble character"** (Tôi tin rằng ai ai cũng sẽ phải ngưỡng mộ Hồ Chí Minh 1 khi họ tìm hiểu về phẩm chất cao quý của Người)

Uhm tiếp theo là gì nhỉ? Giày nhé? Các bạn có nghĩ ra thành ngữ nào với giày không? (shoes) Các bạn có biết bài "It will rain" của Bruno Mars không? Có 1 đoạn anh ấy hát như sau: **"If I was in their shoes I'd be doing the same..."**. Trong bài hát vừa rồi, anh ấy có sử dụng cấu trúc sau **"To be in someone's shoes"** có nghĩa là, ở trong cùng hoàn cảnh, trường hợp. Nếu bạn đang đi giày của ai đó tức là bạn đang chịu những tác dụng tương tự khi họ mang đôi giày đó, cho nên **"to be in someone's shoes"** có nghĩa là bạn ở cùng hoàn cảnh với ai đó.

Với thành ngữ sau đây, hãy thông qua hoàn cảnh mình đưa ra và đoán nghĩa các bạn nhé! Bạn đang rất bức mình vì chiếc điện thoại mới mua được vài ngày thì pin hết rất nhanh, đôi khi tự tắt máy, không bật được wifi, và bạn có ý định đòi co, cãi nhau với người đã tư vấn cho bạn mua chiếc điện thoại đó. Ngay lúc đó, bạn của bạn nói **"keep your shirt on"**. Bạn đoán xem, ý bạn của bạn là gì?

Trước khi đoán nghĩa, mình sẽ đưa ra thêm 1 gợi ý nữa. Bạn hãy tưởng tượng khi bạn nổi giận, mặt bạn sẽ đỏ bừng và cảm thấy rất nóng nực khó chịu. Khi đó, nếu có thể, cởi áo sẽ khiến bạn cảm thấy mát mẻ và dịu hơn đi kha khá phải không?

Nói đến đây, bạn đã đoán ra ý nghĩa của câu "keep your shirt on" trong hoàn cảnh mình vừa đưa ra rồi chứ? Nó có nghĩa là hãy bớt nóng giận, khó chịu, bức mình đi.

Và cuối cùng, sẽ là găng tay nhé! (Gloves). À, nếu như **"the gloves are off"**, điều đó có nghĩa, ai đó chuẩn bị đánh nhau hoặc bước vào 1 cuộc cạnh tranh rất gay go để đạt đc cái gì đó. VD: 1 bình luận viên cho 1 trận đấu boxing nói **"Up until now the game has been quite friendly, but now the gloves are off"** (Cho đến giờ thì trận đấu còn khá thân thiện, tuy nhiên bây giờ mọi thứ có vẻ đang rất căng thẳng!)

Trước khi kết thúc, hãy cùng điểm lại những thành ngữ mà chúng ta đã học hôm nay nhé: **take your hat off to someone, to be in someone's shoes, keep your shirt on, the gloves are off.**

That's all for today. I hope you've enjoyed the lesson. Good luck!

Hãy luôn theo dõi và ủng hộ Step Up Radio. Xin cảm ơn các bạn!

Chào mừng các bạn đến vs Step Up Radio. Mình là Linh.

Tiếp tục chủ đề về thành ngữ, hôm nay mình sẽ giới thiệu đến các bạn 1 vài thành ngữ liên quan đến động vật mà có lẽ các bạn sẽ bắt gặp rất nhiều sau này.

Chó là loài động vật được cho là trung thành và gần gũi nhất với con người. Vậy thì để dành tặng các chú chó đáng yêu 1 món quà, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về 1 thành ngữ liên quan đến chúng nhé, đó chính là **"dog days"**, nó có nghĩa là "những ngày rất nóng bức". Mùa hè đến kèm theo những đợt nắng nóng kéo dài, có những lúc ở những nơi ngoài đường lên tới 42, 43 độ. Thay vì nói **"very hot days"**, tại sao không nhấn mạnh bằng cách nói mới mẻ **"dog days"**? Hãy tự đưa ra 1 vài VD cho bản thân, có thể tham khảo VD sau: **"I think I'm not gonna be able to stand with these dog days anymore, they kill me literally"** (Tôi nghĩ là tôi không thể chịu đựng thêm những ngày nóng bức như thế này đc nữa, nó giết tôi theo nghĩa đen luôn ấy)

Chắc hẳn bạn không hề xa lạ với câu thành ngữ "1 mũi tên trúng 2 đích" trong tiếng Việt chứ? Tương tự, tiếng Anh cũng có 1 câu với hàm nghĩa này nhưng cách diễn tả hơi khác 1 chút **"kill two birds with one stone"** (giết 2 con chim bằng 1 viên đá). Có vẻ hơi bạo lực phải không? Tuy nhiên đây chỉ là 1 cách nói xa xưa, chứ k có ý khuyến khích giết chim các bạn nhé!

1 VD minh họa cho thành ngữ "kill two birds with one stone" có thể là: **"If you pick the groceries up when you drop Tom off for his shift, you'll kill two birds with one stone"**

Có phải bạn vừa lỡ lời chẳng may để lộ kế hoạch tổ chức 1 bữa sinh nhật bất ngờ cho người bố kính yêu đây bạn rợn? Mẹ bạn đang chất vấn xem ai là người đã để lộ thông tin 1 cách sơ sẩy như vậy và mẹ bạn nói **"Who let the cat out of the bag about the surprise party?"** (Nghĩa đen dịch là "Ai đã để con mèo ra khỏi túi về bữa tiệc bất ngờ vậy") Tất nhiên, **"let the cat out of the bag"** trong trường hợp này không mang nghĩa "để con mèo chạy ra khỏi túi" mà nó có nghĩa là để lộ thông tin, tiết lộ bí mật. Vậy chúng ta sẽ dịch là "Ai đã tiết lộ bí mật về bữa tiệc ngạc nhiên vậy?" Thay vì nói **"reveal a secret"** hãy nằm lòng câu **"let the cat out of the bag"** nhé!

Chuột sẽ loài động vật kết thúc bài học hôm nay: **"smell a rat"** (ngửi thấy mùi chuột). Phải công nhận rằng, trong nhà nếu có chuột sẽ rất phiền toái, khó chịu. Đặc biệt chuột chết lại có mùi không hề dễ chịu tí nào. Xuất phát từ điểm này mà chúng ta có câu "smell a rat", nghĩa là "bắt đầu nghi ngờ 1 việc bịp bợm, lừa đảo...". Sau đây là 1 VD, các bạn hãy tham khảo và hãy đặt thật nhiều câu cho các cụm từ vựng này để ghi nhớ chúng cho các mục đích giao tiếp hằng ngày nhé! **"I asked my brother not to tell my parents that I went out, but I could smell a rat as soon as I opened the door"** (Tôi đã nhờ anh em trai của tôi giấu kín chuyện tôi đi chơi với bố mẹ nhưng tôi đã nghi ngờ điều này ngay khi mở cửa).

Ngoài ra còn vô vàn những thành ngữ tiếng Anh, nhưng không phải thành ngữ nào cũng hay đc dùng. Cuối cùng, hãy cùng mình nhắc lại 4 cụm từ vựng mà chúng ta đã học: **dog days, kill two birds with one stone, let the cat out of the bag, smell a rat.**

That's all for today. Hope you've enjoyed the lesson. See you soon, bye!

Hãy luôn theo dõi và ủng hộ Step Up Radio. Xin cảm ơn các bạn!

Chào mừng các bạn đến vs Step Up Radio. Mình là Linh.

Để nhớ đc vô vàn các câu thành ngữ, các bạn hãy chia nhỏ theo chủ đề của mỗi câu để nhớ thật nhanh nhé! Chẳng hạn như hôm nay chúng ta sẽ cùng học về 1 số thành ngữ liên quan đến màu sắc. (Idioms using colors).

Với nét nghĩa thỉnh thoảng, hiếm khi, chúng ta có các từ thường dùng như "sometimes", "rarely", hay "seldom". Gợi ý câu thành ngữ mà Linh sẽ giới thiệu có màu xanh da trời và cũng có nghĩa là rất hiếm khi, cực kỳ hi hữu, liệu bạn có đoán hay nhớ ra không? Đó chính là **Once in a blue moon**, nó thậm chí có nghĩa là không bao giờ. Xuất phát từ hiện tượng trăng tròn (trong tiếng Anh là "blue moon"), hiếm khi có thể thấy 2 lần trong 1 tháng. Dựa vào đó câu nói Once in a blue moon đã ra đời. Có thể lấy VD: **My sister's living in Russia, so I only get to see her once in a blue moon** (Chị gái tôi sống ở Nga nên rất hiếm khi tôi mới đc gặp c ấy).

Mình sẽ cung cấp đến các bạn 3 thành ngữ tiếp theo rất phổ biến có liên quan đến màu đỏ.

Đầu tiên, hãy đoán nghĩa của cụm **Caught red-handed** qua câu sau "**Nobody knew who'd been stealing money from the office, until the new salesman was caught red-handed opening the safe**".... Các bạn đã đoán ra chưa? Nghĩa của cả câu này tạm dịch là: Không 1 ai biết ai đã đang ăn cắp tiền từ văn phòng cho đến khi người bán hàng mới bị bắt quả tang đang mở két sắt. **Red-handed** có nghĩa đen là bàn tay dẫm máu. Những kẻ tội phạm giết người khó có thể chối tội nếu như bị bắt với đôi bàn tay đầy máu, từ chi tiết này, người ta đã sáng tạo ra cách diễn đạt ai bị bắt quả tang là có bàn tay dẫm máu "**be caught red-handed**".

Thành ngữ thứ 2 với màu đỏ là **See red**. Hãy cùng đoán nghĩa của nó qua VD sau nhé: "**Generally I'm a very calm, relaxed person. But when people are rude to me, I start to see red**"... Câu này có nghĩa là "Nhìn chung thì tôi là 1 rất dễ chịu và bình tĩnh. Nhưng khi người ta khiếm nhã với tôi, tôi sẽ bắt đầu nổi giận". Do đó, **see red** có nghĩa là nổi giận, giận dữ.

Và thành ngữ thứ 3 với màu đỏ là **red-letter day**. Hãy cũng xem xét VD: "**I had a real red-letter day yesterday: my boss gave me pay rise, I won 10 million VND on the lottery, and my boyfriend took me to my favorite restaurant for dinner**". Um, 1 cô gái được sếp tăng lương, trúng tận 10 triệu xổ số và sau đó lại được bạn trai đưa đi ăn tối ở đúng nhà hàng cô ấy thích, vậy thì cô gái ấy đã có 1 ngày bức thư đỏ? Theo logic, chúng ta sẽ nói là, 1 ngày may mắn phải không? **Red-letter day** có nghĩa là ngày vui, ngày may mắn, ngày đáng nhớ vì có chuyện tốt lành.

Cuối cùng, các bạn hãy thử tài của mình bằng cách tìm trong câu nói sau, đâu là thành ngữ mà chúng ta sẽ tìm hiểu nhé! Gợi ý duy nhất là nó phải gắn với màu sắc. "**Most of the people in my town are white-collar workers. They are very few people working for factories**"... Thành ngữ đó là gì nhỉ?

Chính xác, **white-collar workers**. White-collar là tính từ mang nghĩa lao động trí óc, khi đi kèm với từ "worker" ở sau thì mang nghĩa là "nhân viên văn phòng". Vì sao nhân viên văn phòng lại đc diễn tả là white-collar worker nhỉ? Quay trở về nghĩa đen của từ "white-collar", "white" có nghĩa là màu trắng, "collar" nghĩa là cổ áo. Nhân viên văn phòng thường phải mặc trang phục áo sơ my cổ trắng vs quần âu như chúng ta thấy. Từ đó, nhân viên văn phòng đc nói là white-collar worker.

Bài học đến đây là hết.

Hãy luôn theo dõi và ủng hộ Step Up Radio. Xin cảm ơn các bạn!

Chào mừng các bạn đến với Step Up Radio. Mình là Linh.

Trước khi tiết lộ chủ đề bài học hôm nay, chúng ta hãy cùng điểm lại 5 thành ngữ về màu sắc đã học ở bài trước nhé!

- Once in a blue moon (rất hiếm khi)
- Caught red-handed (bắt quả tang)
- See red (giận dữ, nổi cáu)
- Red-letter day (ngày vui, ngày may mắn)
- White-collar worker (nhân viên văn phòng)

Như đã hứa, bây giờ mình sẽ tiết lộ chủ đề bài học này. Đó là những thành ngữ có sử dụng các con số (Idioms using numbers). Hứa hẹn sẽ rất thú vị, để hiểu chỉ qua nghĩa đen của chúng thôi, các bạn đã sẵn sàng chưa? Chúng ta hãy cùng bắt đầu ngay thôi nào!

Mình có 1 VD như sau: **"You're so two-faced! You tell me that I work hard and get good results, then you tell everyone else that I'm lazy and incompetent!"** Dựa vào chủ đề bài học hôm nay, các bạn đã chọn ra đc câu thành ngữ đầu tiên chưa? Đó chính là... **"two-faced"**. Nghĩa của vế sau câu nói này có thể dịch là "Chị nói vs tôi rằng tôi học chăm chỉ và đạt đc nhiều kết quả tốt, sau đó thì chị lại đi nói với tất cả những người khác rằng tôi lười biếng và kém cỏi!". Dựa vào nghĩa đen cũng như lời dịch vừa rồi, chúng ta có thể dễ dàng đoán được nghĩa của tính từ và cũng là thành ngữ **"two-faced"**, tức là **"2 mặt"**. Những người 2 mặt là những người nói dối về suy nghĩ, cảm xúc và niềm tin của họ, và có xu hướng nói với những người khác điều mà làm thỏa mãn bản thân những người đó.

Thành ngữ tiếp theo mà mình muốn đề cập đó là **"twenty-something"**. Rất dễ dàng thôi, như mình đã nói chỉ cần dịch mặt chữ các bạn cũng có thể dễ dàng suy đoán nghĩa của cụm thành ngữ này. **"Thirty"** là 30, **"Something"** là gì đó. Vậy **"Twenty-something"** dịch ra là 20 gì đó. Trong tiếng Anh, **"twenty-something"** ám chỉ những người có độ tuổi từ 20-29. Tương tự, vs những người có độ tuổi từ 30-39, 40-49, hay 50-59 ta có thể nói **"thirty-something"**, **"forty-something"** và **"fifty-something"**. Chẳng hạn, **"All of them looked so young that I assumed they're just twenty-something. But actually they're all 35! Unbelievable!"** (Tất cả bọn họ nhìn trông trẻ đến nỗi mà tôi đoán họ chỉ chừng khoảng từ 20-29 tuổi thôi nhưng thực ra tất cả bọn họ đều đã 35 tuổi rồi, thật không thể tin nổi!)

Có 1 VD khác như thế này **"It was a very formal party, so everyone was dressed up to the nines"**. Câu thành ngữ là câu nào các bạn nhỉ? Có phải là **"the nines"**? Không. Vậy thì là **"to the nines"**? Cũng không nốt. Câu thành ngữ đầy đủ ở đây phải là **dressed up to the nines**. Hãy cùng nhau dịch từng từ 1, cũng như VD trên để xem các bạn có đoán ra nghĩa của thành ngữ này hay không. **"Dressed up"** là ăn diện, trưng diện hay mặc quần áo, **"To the nines"** mang nghĩa là **"đến những số 9"**. Cả cụm có thể dịch nôm na là **"Trưng diện đến những số chín"**. Không có ai là hoàn hảo cả nên chúng ta có thể lấy mốc 9 điểm để đánh giá các phương diện. Vậy thì ai đó mà ăn diện đạt được cả những con số 9 hẳn là phải rất rất chín chu, chỉnh tề và vô cùng kỹ lưỡng đúng không? Đến đây, đã có bạn nào đoán ra nghĩa của **"dressed up to the nines"** chưa?... Nó có nghĩa là ăn mặc vô cùng thời trang, hoặc trong trường hợp với câu VD ban nãy thì mang nghĩa, ăn mặc đúng đắn, nghiêm túc, chín chu. Tùy vào ngữ cảnh mà các bạn nên chọn nét nghĩa phù hợp. Đến đây, mình có 1 câu hỏi cho tất cả các bạn: **"Have you ever got dressed up to the nines before? If yes, what occasion was it for?"**

Những người mà có những khả năng đặc biệt như cảm nhận hay thấy cái gì đó mà không cần nhìn, nghe, chạm, ngửi hay ăn thử, chúng ta gọi là gì nhỉ? Đó là những người có giác quan thứ 6, ngoài 5 giác quan thông thường của con người kể trên. Trong tiếng Anh cũng có 1 cụm từ để diễn tả giác quan thứ 6. Câu thành ngữ mà chúng ta đang nhắc tới vs hàm nghĩa **"giác quan thứ 6"** thì chỉ cần dịch từng chữ là có thể đưa ra đáp án đúng rồi. Hãy thử nhé! **"thứ 6"** ở đây ám chỉ số thứ tự nên ta có **"sixth"**, giác quan trong tiếng Anh là từ **"sense"**. Như vậy, giác quan thứ 6 là **sixth-sense**. Chẳng hạn như: **"How did you know I was in the house? You must have a sixth-sense"** (Làm thế nào mà cậu biết tớ đã ở trong nhà vậy? Chắc hẳn là cậu có giác quan thứ 6 rồi)

Thành ngữ thứ 5 liên quan đến các con số cũng sẽ được tiết lộ qua VD sau: **"She's been on cloud nine ever since she got the job"**. Đó là **on cloud nine**. Các bạn có nhớ ra trong tiếng Việt chúng ta cũng có cách nói là vui như đang ở chín tầng mây không? Đây cũng chính là lời giải thích cho thành ngữ on cloud nine, tức là vui sướng, hạnh phúc tột đỉnh. **"So, have you ever had a feeling of being on cloud nine?"**

Thưa các bạn khán giả thân yêu, có rất nhiều cách liên tưởng, suy luận để nhớ được 1 câu thành ngữ. Hầu hết các lời giải thích mà mình đã đưa ra là do kinh nghiệm cá nhân. Nếu bạn cảm thấy có cách khác hay hơn thì hãy nhớ theo cách ấy, đừng bó buộc bản thân ở 1 cách hiểu cố định.

That's all for today. Hopefully those idioms will be useful.

Hãy luôn theo dõi và ủng hộ Step Up Radio. Xin cảm ơn các bạn!

Chào mừng các bạn đến vs Step Up Radio. Mình là Linh.

Quả thật, để nhớ được các thành ngữ tiếng Anh khá là gian nan. Tuy nhiên, sẽ rất dễ nhớ hơn nếu như chúng ta có thể liên tưởng chúng đến bất kể điều gì. Đối với 1 người nghiện ăn uống như mình, và có lẽ là ai cũng vậy, thì còn gì tuyệt hơn khi chúng ta vừa có thể kết hợp học tiếng Anh vừa dc liên tưởng đến các đồ ăn uống nhỉ? Mới nói đến đây thôi đã thấy đói bụng rồi. Tuy nhiên, trước hết chúng ta hãy cùng nạp năng lượng bằng 1 số câu thành ngữ liên quan đến đồ ăn uống trong tiếng Anh nhé! (Idioms using food and drinks)

Ngay lúc này đây, mình cảm thấy rất rất đói bụng, có thể ăn hết cả 1 con ngựa ấy. Uhm, thực ra, mình chỉ đang đùa 1 chút thôi, đây là cách diễn đạt sự đói bụng còn cào vô cùng trong tiếng Anh **"could eat a horse"**. **"I haven't had anything since breakfast time. I could eat a horse now!"** (Tôi chưa có gì vào bụng từ bữa sáng nay. Bây giờ tôi đang rất đói bụng). Nếu quả thật bạn có thể ăn hết 1 con ngựa thì chắc chắn rằng bạn đang rất rất đói đúng không nào?

1 thành ngữ khác cũng liên quan tới con ngựa "horse", đó là **eat like a horse**. **Eat like a horse** có nghĩa là ăn rất khỏe, rất nhiều, nó tương đương với câu nói mà chúng ta vẫn hay nói hằng ngày là **"ăn như lợn"** đấy. Tuy nhiên có điều người bản địa họ không so sánh với con lợn mà lại là con ngựa. Tương tự như trên, ăn hết dc cả 1 con ngựa **could eat a horse** tức là bạn ăn rất nhiều **eat like a horse**. **"She told me that she ate like a horse but in fact, she got a perfect figure"** (Cô ấy nói với tôi là cô ăn rất nhiều nhưng trên thực tế, cô ấy có 1 dáng người hoàn hảo)

Với chủ đề về đồ ăn uống, chúng ta có thêm 1 thành ngữ nữa mà cũng khá thông dụng trong tiếng Anh, có liên quan đến trà. Các bạn có nhớ ra câu thành ngữ nào như vậy không? Đó chính là **not my cup of tea**. Not my cup of tea, dịch theo từng chữ có nghĩa là "không phải ly trà của tôi". Thực tế nếu như không phải loại trà mà bạn ưa thích thì có lẽ bạn sẽ không gọi và uống nó phải không? Từ đó, **not my cup of tea** có ý nghĩa rằng "không phải sở thích, gu của bạn". Chẳng hạn **"I like thriller but films that frighten me just aren't my cup of tea"** (Tôi thích phim kinh dị nhưng phim nào làm tôi sợ thì lại không phải sở thích của tôi)

Bạn đã bao giờ cảm thấy hối hận về 1 việc đã xảy ra chưa? Như việc bạn đã thi trượt vào trường mong muốn, không dc chấp nhận visa, không vượt qua được buổi phỏng vấn cho công việc mơ ước, và vô vàn những điều đáng tiếc khác đã xảy ra mà bạn không thể thay đổi được nữa. Khi đó, cho dù có khóc hay làm gì đi chăng nữa thì bạn cũng gần như chẳng thể thay đổi được gì, chỉ có thể vượt qua nỗi thất vọng, đau đớn và không ngừng cố gắng. Trong tiếng Anh, để diễn tả sự vô ích để hối hận về việc gì đã xảy ra, có câu **there's no use crying over spilt milk**. "Spilt milk" (s-p-i-l-t) hoặc "spilled" (s-p-i-l-l-e-d) có nghĩa là sữa đã bị đổ ra, tràn ra ngoài. Bạn thử nghĩ xem, nếu như cốc sữa của bạn đã bị đổ xuống đất, liệu có còn uống được nữa không? Cả cụm câu **there's no use crying over spilt milk** có nghĩa đen là chẳng ích gì nữa để khóc khi sữa đã bị đổ cả, tức là chuyện đã qua rồi bạn không thể làm điều gì để thay đổi nó. **There's no use crying over spilt milk** (Không có ích gì nữa khi phải hối hận về chuyện đã qua). **"I know you're upset you failed your exam but there's no use crying over spilt milk. Just get over it and start studying so you'll be ready to take it again soon"** (Mẹ biết là con buồn khi thi trượt nhưng con cũng không thể khóc mãi ở việc mà con không thể thay đổi. Hãy vượt qua nó và bắt đầu học lại để sẵn sàng thi lại)

That's all for today. Hope you've enjoyed it. See you soon!

Hãy luôn theo dõi và ủng hộ Step Up Radio. Xin cảm ơn các bạn!

Chào mừng các bạn đến với Step Up Radio. Mình là Linh.

Các bạn biết không ngoài các câu thành ngữ về các chủ điểm mà chúng ta học ở các bài trước, trong tiếng Anh còn có 1 hiện tượng thành ngữ "Idiomatic pairs", tức là cặp thành ngữ, VD như: here and there, on and on, now and then, safe and sound...vv Cặp thành ngữ là 1 cặp các trạng từ, danh từ, động từ, tính từ hay giới từ đc nối vs nhau bởi từ "and" giống như các VD mình vừa liệt kê. Trong khuôn khổ bài học, mình sẽ giới thiệu đến các bạn các cặp thành ngữ phổ biến nhất trong tiếng Anh.

Cặp thành ngữ đầu tiên là cặp tính từ **peace and quite**. "Peace" là yên bình, thanh bình. "Quite" là yên tĩnh, thanh tịnh. Gộp lại peace and quite có nghĩa là 1 thời kỳ hay thời gian yên tĩnh và êm đềm. Chúng ta thường dùng các động từ như "have", "get" và "enjoy" trước peace and quite. VD: **"It's impossible to get any peace and quite in this house with you two arguing all the time"** (Thật là không thể có 1 chút thời gian nào yên bình đc khi mà 2 người suốt ngày cãi nhau như vậy)

Tiếp theo là cặp thành ngữ trạng từ địa điểm **here and there**. "Here" là ở đây, "there" là ở đó. Vậy here and there có nghĩa là ở đây và ở đó, hay nói cách khác đây đó. Nghĩa của nó là ở hay đến nhiều nơi. VD: **"My dream is to travel here and there around the world"** (Ước mơ của tôi là được đi du lịch nhiều nơi trên thế giới). **Here and there** bằng nghĩa với **"many places"**.

Ngoài ra chúng ta cũng có 1 số cặp thành ngữ vs giới từ và tính từ rất hay gặp.

Thứ nhất, **first and foremost**. First and foremost được dùng với nghĩa là trước nhất, trước tiên, quan trọng nhất.

VD: **"Why don't you get a job that pays more? - "First and foremost because I really enjoy the job I'm doing"** (Tại sao bạn không làm 1 công việc trả lương cao hơn? - Quan trọng nhất là vì tôi đang rất yêu thích công việc mà tôi đang có).

Thứ 2, chúng ta có cặp **safe and sound**. "Safe" là an toàn, "sound" là âm thanh hay khỏe mạnh. Cả cụm safe and sound mang hàm nghĩa bình an vô sự. **"Oh I'm so glad to have you back home safe and sound. I was beginning to get worried about you"** (Mẹ rất vui vì con đã trở về nhà bình an vô sự. Mẹ đã rất lo lắng cho con trước đó).

Thứ 3, cặp **now and again** có nghĩa tương tự với từ "sometimes", tức là thỉnh thoảng. **"How often do you see her now? - Every now and again. Not as regularly as I used to"** (Bao lâu thì cậu gặp cô ấy 1 lần? - Thỉnh thoảng thôi, không thường xuyên như trước nữa).

Không dừng lại ở đó, chúng ta còn có khá nhiều các cặp thành ngữ lặp từ như:

Again and again, lặp đi lặp lại. **"I've told you again and again to stop swearing in front of the children, but you take no notice"** (Em đã nói đi nói lại với anh rằng hãy ngừng việc chửi thề trước mặt các con đi nhưng anh chẳng để tâm lời em nói gì cả)

Ta có cụm thành ngữ khác **little by little**, có nghĩa là dần dần, chậm rãi, từng chút 1. Chẳng hạn như: **"Little by little his health improved and he was able to walk further and further each day"** (Dần dần thì sức khỏe của anh ấy đã khá hơn nhiều và cũng có thể đi xa hơn mỗi ngày).

Cụm **all in all** có nghĩa là, tóm lại, nhìn chung thì. Nó có nghĩa tương tự như **"In summary", "To sum up",...** vv **"All in all, it was a successful holiday in spite of some scary moments"** (Ngoại trừ 1 số khoảnh khắc đáng sợ ra thì nhìn chung đây là 1 kỳ nghỉ tuyệt vời).

8 cặp thành ngữ vừa rồi hi vọng đã đem lại những giây phút bổ ích và thú vị cho tất cả các bạn. Hẹn gặp lại ở những bài học tiếp theo. Make it big, friends!

Hãy luôn theo dõi và ủng hộ Step Up Radio. Xin cảm ơn các bạn!

Chào mừng các bạn đến với Step Up Radio. Mình là Linh.

Thật vui vì lại được chào đón các bạn quay trở lại với 1 bài học khác rất thú vị với các thành ngữ. Và chủ đề của chúng ta hôm nay là về các thành ngữ liên quan đến "time", tức là thời gian. Trước khi bắt đầu bài học, các bạn thử liệt kê xem có bao nhiêu thành ngữ liên quan đến từ "time" mà các bạn biết nhé!

Các bạn đã xong chưa? Danh sách của bạn có bao nhiêu thành ngữ? Bạn đã hiểu đúng về ngữ nghĩa của chúng hay chưa? Dù có nhiều hay không thì hãy cùng kiểm tra lại dưới đây và tích lũy thêm 1 số câu thành ngữ vô cùng phổ biến vs thời gian sau đây nhé!

Những câu chuyện cổ tích đưa chúng ta đến với giấc ngủ ngon và sâu trước kia thường được bắt đầu với câu mở đầu dường như là đã ăn sâu vào tiềm thức "ngày xưa ngày xưa...". Liệu trong tiếng Anh bạn có biết câu "ngày xưa ngày xưa" là gì không? Đó chính là **Once upon a time**. "**Once upon a time there lived a handsome prince...**"

Cùng thử dịch câu sau sang tiếng Anh bằng thật nhiều cách khác nhau có thể nhé! "Tôi đang rất vội nên tôi nghĩ chúng ta có thể dừng nói chuyện tại đây"... Có bao nhiêu cách các bạn có thể nghĩ ra? 1 trong những cách đó có liên quan đến chủ đề bài học hôm nay bằng cách chèn 1 câu thành ngữ về "time" không? Nếu chưa, hãy tham khảo câu trả lời sau của mình và tìm xem, đâu là thành ngữ đó nhé: "**I suppose to stop chatting here, I'm pressed for time**". **Pressed for time** chính là thành ngữ mà mình muốn nhắc tới. **Pressed for time** có nghĩa là đang vội, đang bận, bị áp lực bởi thời gian.

Hãy tiếp tục thử vốn từ của bạn bằng cách dịch câu sau sao cho sát nhất đến chủ đề bài học này nhé! "Mùa đông ở đây thường thì khá lạnh và xám xịt, thỉnh thoảng lại rất đẹp"... Bạn đã tìm ra cách nói như yêu cầu chưa? Nếu chưa, hãy tham khảo câu sau: "**Winters here are generally cold and gray, but from time to time it can be glorious**". Cụm thành ngữ mà chúng ta đang đề cập ở đây là **from time to time**. Nghĩa của thành ngữ **from time to time** tương tự với thành ngữ "now and again" mà chúng ta đã học ở bài học trước hay "sometimes" & "occasionally", tức là thỉnh thoảng, nhưng không thường xuyên.

Thành ngữ với từ "time" mà mình muốn giới thiệu sau đây là **for the time being**, nghĩa của nó là tạm thời, trước mắt, hiện giờ. Dựa vào nghĩa của thành ngữ **for the time being** mà mình đã cung cấp, hãy dịch câu sau "**I'm thinking of changing jobs in the future, but I'll continue working here for the time being**"... Các bạn đã dịch câu này như thế nào? Sau đây là đáp án của mình "Tôi đang tính thay đổi các công việc khác nhau trong tương lai, nhưng tạm thời tôi sẽ tiếp tục làm việc ở đây". **For the time being** cũng có nghĩa giống vs trạng từ "**temporarily**".

Tương tự với cách nói "giết thời gian" trong tiếng Việt thì tiếng Anh cũng có 1 thành ngữ để nói như vậy, **killing time**. **Killing time** đúng theo nghĩa đen của nó là giết thời gian. VD: "**I'm not really watching this film, I'm just killing time**" hay "**From time to time I kill my time by playing chess**".

Bằng cách chỉ dịch câu thành ngữ sau, các bạn hãy thử suy đoán xem thành ngữ này có ý nghĩa thực sự là gì nhé **time flies when you're having fun...** Nếu vẫn chưa nghĩ ra, VD sau sẽ là 1 gợi ý khác "**I don't believe it. It's already 4 o'clock. Doesn't time flies when you're having fun!**"... OK, thành ngữ **time flies when you're having fun** là 1 câu nói của miệng vui nhộn, thường để ám chỉ sự trái ngang, trở trêu khi bạn ngạc nhiên ra sao nhận ra lúc đó đã là mấy giờ rồi hoặc chỉ sự tiếc nuối về thời gian trôi quá nhanh.

How time flies when you're having fun that we all together experience more than hundred of lessons! You should be proud of how far you go, my friends!
That's all for today.

Hãy luôn theo dõi và ủng hộ Step Up Radio. Xin cảm ơn các bạn!

T: Chào các bạn khán giả thân mến của Step Up Radio, mình là Thương, rất vui được gặp lại các bạn trong bài học hôm nay về một chủ đề rất hay mà bản thân mình cảm thấy học bao nhiêu cũng không thể thỏa mãn được - đó là thành ngữ. Vâng, ngồi bên cạnh mình là Linh. Linh ơi, cụ thể hôm nay chúng ta sẽ học gì về thành ngữ Linh nhỉ?

L: Chào Thương và các bạn, mọi người có để ý thấy là trong giao tiếp đời sống hằng ngày thì chúng ta có xu hướng đáp lại các nội dung được người khác truyền đạt theo những cách cố định và chủ yếu chúng ta phản ứng lại như vậy theo một cách rất bản năng. Những cụm từ đó bật ra khỏi miệng của chúng ta gần như một phản xạ có điều kiện vậy.

T: Tức là như thế nào Linh nhớ? Có phải là ví dụ khi cậu khoe với tớ là cậu sắp được đi Mỹ thì tớ hay là bất kì một ai khác sẽ đáp lại kiểu như là: "Thật vậy á, chúc mừng nhé." Hay là khi mà tớ mời cậu đến sinh nhật thì cậu từ chối vì bận chẳng hạn, khi đó khả năng cao tớ sẽ nói là: "Thế á, tiếc nhỉ." Cậu thấy có đúng không L?

L: Đó chính xác là những gì mà tớ muốn nói đấy T ạ. Với những tình huống giao tiếp nhất định thì chúng ta lại có những cách đáp lại nhất định và đôi khi rất rập khuôn. Ngay sau đây chúng ta hãy cùng tìm hiểu xem trong tiếng anh, người bản xứ có những cách nói nào tương tự nhé. Và các bạn hãy nhớ đây là ngôn ngữ nói chứ không phải là ngôn ngữ viết đâu nhé.

T: Đầu tiên là một câu trả lời rất gần gũi với chúng ta, được dùng để đáp lại khi ai đó cảm ơn chúng ta vì đã giúp đỡ họ. "Không có gì" trong tiếng Anh là: "**You're welcome.**" Nếu viết đầy đủ ra sẽ là **You are welcome.** Nhưng động từ to be are ở đây được rút ngắn thành dấu phẩy trên, đến chữ cái r và e nên đọc nhanh thì sẽ you're. Còn welcome – là từ mà chúng ta bắt gặp ở mọi nơi đúng không- đánh vần W-E-L-C-O-M-E có nghĩa là chào đón. Bạn được chào đón. Tức là không có gì.

L: Cảm ơn T vì đã giải thích rất cụ thể về cụm từ này nhé.

T: **You're welcome, Linh.**

L: Thương ơi, vậy là chúng ta đã biết đáp lại ngay là: "You're welcome" để thể hiện thái độ lịch sự khi ai đó nói: "Thank you" với chúng ta rồi. Có cách đáp lại nào khác nữa mà cậu muốn giới thiệu đến các bạn khán giả nữa không?

T: Có vô số ví dụ tương tự L ạ. Chẳng hạn như khi có ai nói với chúng ta là họ đang buồn phiền thì chúng ta thường an ủi là: "Vui lên đi" đúng không? Trong tiếng Anh vui lên đi là **cheer up!** Gồm hai từ cheer và up. Từ cheer đánh vần là C-H-E-E-R

L: Các bạn khán giả hãy nhắc theo mình nhé. cheer up, cheer up, cheer up. Vui lên nào. Bây giờ chúng mình thử luyện tập sử dụng cụm động từ cheer up này nhé.

T: Linh ơi

L: Sao hả Thương

T: Tớ cảm thấy rất buồn khi sắp không còn là một sinh viên nữa Linh ạ.

L: Cậu còn rất nhiều trải nghiệm lý thú ở phía trước T ạ. Cheer up!

T: Hi vọng là vừa rồi các khán giả đã hiểu rõ về cách dùng của cụm từ **cheer up** rồi đúng không L? Bây giờ chúng ta sẽ chuyển sang một cụm từ cuối cùng cũng hay không kém nhé, đó là **bad luck.** Có thể được dịch sơ sang tiếng việt là: "Xui xẻo quá, kém may mắn quá" khi một người khác chia sẻ chuyện không may của họ với chúng ta để tìm sự đồng cảm.

L: Ví dụ như khi Linh nói với thương là Linh vừa thi trượt lái xe thì thương sẽ đáp lại là : **"Oh, bad luck"** đúng không Thương?

T: Đúng rồi Linh à, luck là may mắn - đánh vần là L-U-C-K nên với **bad luck** chúng ta có thể hiểu là kém may mắn hay là xui xẻo đúng không?

L: Hoàn toàn chính xác. Riêng đối với cụm từ **bad luck** này thì Linh có một lưu ý cho các bạn là chúng ta chỉ nên dùng nó khi người kia nói về những chuyện nhỏ nhặt, vụn vặt và ít riêng tư như là mất cái chìa khóa, bị cảnh sát giao thông giữ lại, thi trượt hay là bị móc túi chẳng hạn. Còn những chuyện tế nhị mà mất mát như là có người thân vừa qua đời hay là chia tay người yêu chẳng hạn thì cụm từ bad luck này có vẻ không được phù hợp lắm đúng không Thương?

T: Tớ rất đồng ý với Linh. Các bạn khán giả ơi, vậy là ngày hôm nay chúng ta đã học được 3 cụm từ mô tuýp để đáp lại trong 3 văn cảnh khác nhau. Đó là khi người khác chia sẻ chuyện không may của họ, ta có thể nói: **"bad luck"**, khi họ đang buồn, ta sẽ nói **"cheer up"** để động viên, và khi được cảm ơn, ta đáp lại: **"you're welcome."** Không có gì.

L: Bài học của chúng ta hôm nay xin khép lại ở đây. Hẹn gặp lại các bạn

T: Chào các bạn khán giả thân mến của Step Up Radio. Mình là Thương. Hôm nay mình và bạn đồng hành của mình là Linh sẽ đưa các bạn đến với một khía cạnh rất đặc biệt nữa của thành ngữ, đó là những thành ngữ mang tính nhấn mạnh- idiomatic emphasis.

L: Chào T và chào các bạn. T có thể nói rõ hơn cho mình và các khán giả hiểu hơn thế nào là idiomatic emphasis không?

T: Tất nhiên rồi Linh. Như chúng ta đã biết là các tính từ luôn có thể được nhấn mạnh, mang một nghĩa mạnh hơn khi thêm cho nó một từ đi trước để bổ nghĩa, ví dụ như là trời tối thì chúng ta có thể thêm từ "cực kì", trời cực kì tối để nhấn mạnh điều đó. Nhưng ngoài từ "cực kì" thì chúng ta cũng có thể nói là "tối đen như mực" để cường điệu sự tối tăm đó lên. Hoặc một ví dụ khác là khi chúng ta nói một vật gì đó rất nhỏ, thì ngoài cách nói cực kì nhỏ, ta còn có thể nói là: "nhỏ tí xíu" đúng không các bạn? Gầy thì là gầy nhom, cao thì là cao ngất. Trong tiếng anh ta cũng có thể tạo ra một hiệu ứng in hệt như vậy? nhưng bằng cách nào thì hãy cùng tìm hiểu nhé?

L: T ơi, có phải chúng ta sẽ thêm một từ vào trước tính từ đó để nhấn mạnh ý không T?

T: Đúng rồi Linh à. Quy tắc chung là vậy. Nhưng thường thì chúng ta không thể tùy tiện sáng tạo thêm mà tuân theo các cách dùng cố định của người bản ngữ L ạ.

L: T có thể lấy một vài ví dụ được không?

T: Được chứ. Đó là cụm từ **brand new**. New là mới, **brand new** có thể tạm dịch là hoàn toàn mới, mới toanh, mới coong. Brand đánh vần là B-R-A-N-D có nghĩa là một nhãn hiệu hoặc một chủng loại nào đó. Theo từ điển oxford thì từ brand new này có nguồn gốc từ cuối thế kỉ 16.

Ví dụ như mình vừa mua một cái xe hơi mới thì mình sẽ khoe với Linh: "**Look, I've got a brand new car.**" Một cái laptop mới thì là **a brand new laptop**. Một cái tôi hoàn toàn mới thì là **brand new me**. Linh có thấy cách dùng rất đơn giản không Linh?

L: Một cách nói rất thú vị và dễ áp dụng T ạ.

T: Thêm một ví dụ nữa, đó là cách nhấn mạnh tính từ ngọt. Ngọt trong tiếng anh là sweet. Vậy thì ngọt như đường là gì L và các bạn có đoán ra không?

L: Đường là sugar. Vậy thì ngọt như đường là **sugar sweet** phải không Thương?

T: Hoàn toàn chính xác L ạ. Cái bánh này ngọt như đường. Tôi không thể ăn nổi thì ta nói là: "**This cake is sugar sweet. I cant eat it.**" Mình thấy từ này rất dễ thương. **Sugar sweet**.

L: Tớ thấy các cách nói idiom nhấn mạnh như thế này rất sinh động T ạ. Cậu có thể giới thiệu thêm một cách nói cuối cùng nữa để khép lại bài học hôm nay không?

T: Từ lúc nãy đến giờ chúng ta đã có ngọt như đường – **sugar sweet** và **brand new** - hoàn toàn mới. Bây giờ sẽ là một hình ảnh nữa cũng trực quan không kém, đó là mỏng tanh như giấy – **paper thin**. Paper là giấy, thin- đánh vần T-H-I-N là mỏng. Ta có thể dùng paper thin cho các sự vật như bức tường, quần áo, nhưng đặc biệt không dùng cho đồ ăn như là lát bánh, viên kẹo bạc hà thì chúng ta phải dùng từ khác. Đó là **wafer thin**. Wafer đánh vần là W-A-F-E-R

L: Chỉ 3 từ ghép thôi mà đã cảm thấy như đã học được rất nhiều rồi phải không các bạn? Linh và T hi vọng túi từ vựng của các bạn sẽ ngày càng dày thêm và đầy thêm từng ngày nhé.

T: Xin chào và hẹn gặp lại các bạn trong các bài học tiếp theo.

L: Chào mừng các bạn đến vs Step Up Radio. Mình là Linh.

T: Còn mình là Thương. Xin chào các bạn khán giả thân yêu của Step Up Radio. Mỗi lần dẫn chung như thế này Thương luôn cảm thấy rất phấn khích. Hè này các bạn đã có dự định gì chưa? Nếu chưa thì vẫn hãy tiếp tục theo dõi radio để nâng cao kiến thức tiếng Anh nhé!

L: Đúng rồi. Linh cũng rất khuyến khích các bạn hãy luôn cập nhật kiến thức của mình qua các kênh giáo dục đáng tin cậy, chẳng hạn như Step Up Radio.

T: Nói vậy chứ, ngồi nhà mát mẻ, k phải đi ra đg lặn lội hàng cây số mà chỉ việc cắm tai nghe vào và học thì còn gì bằng đúng không Linh?

L: Chấn chấn rồi. Thời tiết nóng nực như thế này thì chỉ muốn chôn chân ở nhà thôi. Nhân tiện nhắc đến chủ đề thời tiết, Linh chợt nhớ ra là có 1 số cụm thành ngữ rất hay ho thông dụng cũng liên quan đến thời tiết đấy nhé! Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau giới thiệu 1 số thành ngữ đó cho các bạn nghe đài nhé, Thương có đồng ý không?

T: Tại sao không nhỉ? Let's get started with some idioms connected to weather!

L: Ok, để khiến không khí trở nên dịu mát hơn 1 chút, chúng ta hãy cùng xem xem có những thành ngữ nào với chủ đề về mưa nhé!

T: Thương có biết 1 câu thành ngữ như Linh nói đấy, mà câu nói thì quả là đúng với tất cả mọi người, đặc biệt là với những bạn còn là sinh viên như chúng ta chưa dư dả về tiền bạc. **Save something for a rainy day. "I usually spend most of my salary, but I always try to save something for a rainy day"**. Câu này có nghĩa là Thương thường tiêu gần hết chỗ lương mình có, nhưng vẫn luôn cố gắng để dành 1 chút để phòng".

L: Vậy **save something for a rainy day** có nghĩa là dành dụm tiền để đề phòng bất trắc?

T: Chính xác. Nghĩa đen của nó là "dành dụm cho 1 ngày mưa". Vậy Linh và các bạn khán giả có thắc mắc tại sao lại nói là "dành dụm cho 1 ngày mưa" không? **save something for a rainy day**.

L: Tại sao vậy Thương?

T: Là thế này, nếu thời tiết đẹp và có nắng, bạn có thể đi ra ngoài và có những giây phút vui vẻ. Bạn có thể đi bộ, tập thể dục, có thể đi chơi bóng chày, đi bơi hoặc đi dã ngoại. Có nhiều thứ để làm trong một ngày đẹp trời. Nhưng, vào hôm trời mưa, rất nhiều người cảm thấy buồn và chán nản. Họ muốn được ở nhà, hoặc có thể họ muốn đi đâu đó nhưng họ phải đến những nơi ở trong nhà và tiêu tiền cho những hoạt động đó. Ví dụ như ở rạp chiếu phim, chơi bowling, hoặc là đi mua sắm. Vậy nên các bạn không nên tiêu xài hết số tiền mình có mà hãy để dành ra 1 chút, ai biết được bạn sẽ cần nó cho chuyện gì phải không?

L: Ồ, ra là vậy. Vẫn dùng bao lâu nay mà bây giờ nhờ Thương mới ngộ ra đc. Hãy luyện tập với Linh 1 chút nhé: **Save something for a rainy day x2**

T: **What a morning! I got a parking ticket, then someone drove into my bike in the supermarket motorbike park, and there was a leak on the petrol tank and ran out of petrol. I guess it never rains but it pours!**

L: Sao vậy Thương? Đã xảy ra chuyện gì vậy?

T: À không không, đó chỉ là 1 câu VD mà Thương đưa ra để giới thiệu về câu thành ngữ tiếp theo thôi. Chứ Thương không có sao cả.

L: Vậy mà cứ tưởng. Thế câu thành ngữ mà Thương định đề cập là gì và có nghĩa như thế nào?

T: Đó chính là câu **it never rains but it pours**. Nghĩa đen của nó là chẳng bao giờ mưa nhưng lại chảy nhỏ giọt. Ý nói là tai họa không cùng lúc ập đến mà lại đến từng cái 1, giống như khi so sánh với cơn mưa và nước chảy nhỏ giọt đó. Nói cách khác như chúng ta thường nói là "họa vô đơn chí"

L: Thương đã nói là cậu đã có 1 buổi sáng tồi tệ, rằng cậu có vé đi xe trong siêu thị sau đó xe máy lại bị đâm nên đã có 1 vết nứt ở bình xăng và rồi hết xăng. Vì vậy mà cậu cho rằng việc này xảy ra đúng là họa vô đơn chí, đúng không nào?

T: Đúng như vậy. Các bạn hãy cùng luyện đọc nhé: **it never rains but it pours x2**.

L: Thành ngữ tiếp theo về chủ đề thời tiết sẽ là **run like the wind**.

T: Dịch ra nghĩa đen, **run like the wind** có nghĩa là chạy như gió. Vậy câu thành ngữ này có đơn thuần nghĩa là chạy như gió không? Giống như chạy nhanh như gió ấy Linh?

L: Quả thực thì nghĩa của câu **run like the wind** chính xác là như vậy. Bản thân mình hay nghe đến câu so sánh tương tự như thế này trong tiếng Việt, chạy nhanh như tào tháo đuổi. Tuy nhiên trong tiếng Anh, họ lại so sánh tốc độ nhanh vs cơn gió. Mà trên thực tế, thì đúng là gió thì thổi rất nhanh, nên run like the wind cũng hợp lý đó chứ.

T: Khá là thú vị Linh nhỉ? Cùng 1 sự vật, sự việc thì những nền văn hóa ngôn ngữ khác nhau đều tìm ra những cách ví von rất hay ho. Thương có thể lấy 1 VD để giúp các bạn dễ hình dung hơn: "**Your train leaves in 1 minute. You'll have to run like the wind if you want to catch it**". Câu này có nghĩa là tàu sẽ rời ga trong vòng 1' nữa, cậu sẽ phải chạy nhanh như gió nếu muốn bắt chuyến tàu này. Run like the wind x3

L: Uhm, Thương này, hè này cậu có đi du lịch đâu không?

T: **Come rain or shine, I'll definitely go traveling somewhere!**

L: Hahaa, cảm ơn Thương vì lời gợi ý rất thông minh này về câu thành ngữ tiếp theo mà chúng ta sẽ giới thiệu đến các bạn khán giả. Như Thương vừa nói, **come rain or shine**, dù mưa hay nắng, nói cách khác là dù thế nào đi chăng nữa thì cậu sẽ nhất định đi du lịch đâu đó, đúng không nào?

T: Bingo! Thưa các bạn, để thêm phần quả quyết chắc chắn trong câu nói, các bạn có thể dùng cụm come rain or shine mà như Linh đã giải thích là dù thế nào đi chăng nữa, thì bạn nhất định sẽ làm 1 việc nào đó. Come rain or shine x2.

L: Linh còn nhớ như in đã đặt 1 câu VD cho câu thành ngữ này và nhờ nó Linh đã được 1 con 10 đỏ chói hồi cấp 3 đấy. Các bạn hãy tham khảo câu sau nhé "**Are you coming to the match with us on Saturday? - Oh yes, we wouldn't miss it for anything. We'll be there come rain or shine**".

T: Tính đến giờ chúng ta đã học đc 4 câu thành ngữ vs thời tiết rồi. Hãy cùng Thương và Linh ôn lại 1 chút nhé:

- **Save something for a rainy day x2**
- **It never rains but it pours x2**
- **Run like the wind x2**
- **Come rain or shine x2**

T: À Linh này, bây giờ Thương có 1 thử thách khá là khoai nhưng rất thú vị đấy, Linh có muốn thử không?

L: Uhm, nghe có vẻ hào hứng đấy. Ummm, vs Linh thì luôn là câu "Why not?"

T: Đc rồi. Nếu các bạn khán giả muốn thử sức thì Thương luôn welcome nhé! Sau đây sẽ là thử thách cho Linh: hãy tạo thành 1 đoạn văn có nghĩa vs cả 4 cụm thành ngữ mà chúng ta vừa học!

L: Wowww, Linh nghĩ đây đúng thực sự đc gọi là thử thách rồi. Linh cho rằng trong 1 khoảng thời gian ngắn thì khó có thể tạo ra đc 1 đoạn văn như yêu cầu của Thương. Liệu Thương có thể cho Linh biết đến bài học tiếp theo được k?

T: Nhất trí. Tuy nhiên, để bù đắp cho sự chậm trễ này, Linh có thể tiết lộ chủ đề bài học tiếp theo cho các bạn khán giả đc k?

L: K thành vấn đề. Ở bài học tới, các bạn sẽ đc làm quen với 1 hiện tượng câu rất rất rất phổ biến đối với những người bản địa với nhau, đó là "Slang" hay như chúng ta thường gọi là từ lóng trong tiếng Việt đó.

T: Nghe đến đây là Thương cảm thấy cực kỳ mong chờ đến bài học tiếp theo cho sự đáp trả lại thử thách của Thương cũng như vì chủ đề của bài học tới.

L: Vậy thì chúng ta hãy cùng chào tạm biệt các bạn khán giả tại đây thôi. Hãy luôn theo dõi và ủng hộ Step Up Radio. Xin cảm ơn các bạn!

L: Chào mừng các bạn đến với Step Up Radio. Mình là Linh.

T: Linh ơi cậu đã có đáp án cho phần thử thách ở cuối bài học hôm trước chưa?

L: Dĩ nhiên là rồi. Nhưng, hình như cậu chưa chào các bạn khán giả thì phải?

T: À phải rồi. Rất xin lỗi các bạn, chỉ vì quá háo hức chờ đón đến bài học hôm nay mà Thương chót quên. Xin chào các bạn khán giả nghe đài thân yêu của Step Up Radio!

L: Linh biết ngay mà. Nhưng dù sao cũng không thể trách Thương được, vì nếu là tớ thì chắc cũng vậy thôi. Anw, Thương cùng các bạn khán giả đã sẵn sàng lắng nghe câu trả lời của Linh chưa nào? Đảm bảo sẽ làm thỏa mãn sự cầu toàn của Thương ;)

T: Không thể chờ thêm đc nữa. Linh hãy bắt đầu đi nào!

L: OK. Đoạn văn đó như sau: My cousin, who's just got married recently, gave me a ring yesterday early in the morning to pick up my brains on looking for a new apartment. At first, he complained to me about how tough his life had been before. He had managed to put aside some money, including saving something for a rainy day, however, his car's engine was suddenly dead and it was out of his expectation of spending those money to fix it. He supposed that it had screwed up his initial plan, yet he had his heart set on this and come rain or shine, he'd definitely buy an apartment to start his family. He told me, "Now I know why this saying has existed "It never rains but it pours". But how lucky he was, he won 500,000\$ lottery! This is nuts, right? "Just go for it, bro. Now's the time to chase after your dreams", I said. Then I was so happy for him that we talked for nearly 2 hours on the phone and I just forgot completely my class! Needless to say, I must have run like the wind to school afterwards. What a day!

T: Great job Linh ơi! Perfect! Không những đủ cả 4 cụm thành ngữ mà chúng ta học ở bài trước (save something for a rainy day, it never rains but it pours, run like the wind và come rain or shine), cùng 1 số cụm thành ngữ cũng đã học trc đó như: pick up my brains, put aside và have my heart set on ST (mà ở trong đoạn văn vừa rồi là "had his heart set on this"); không những vậy còn rất rất khéo léo chèn thêm 1 số slangs hay còn gọi là tiếng lóng hay từ lóng mà chúng ta sẽ sắp học sau đây. Awesome!

L: Cảm ơn Thương rất nhiều vì những lời khen có cánh vừa rồi. Quả thực để nhớ được là 1 chuyện, áp dụng được vào văn cảnh thực tế lại là 1 chuyện hoàn toàn khác. Chính vì vậy, chúng mình vẫn luôn nhắc nhở các bạn hãy cố gắng kiên trì luyện tập và nhất định bạn sẽ hái đc quả ngọt!

T: Quả không sai. Còn bây giờ, không phải là lúc chúng ta tập trung vào các slangs hay sao?

L: Tất nhiên rồi. Vậy Thương đã có thể take note hay ghi chép lại đc những từ lóng nào trong đoạn văn vừa rồi của Linh không?

T: Dĩ nhiên, còn rất đầy đủ là đằng khác. Thiết nghĩ thì chúng ta cũng nên giải thích với các bạn khán giả 1 chút về slang chứ?

L: Certainly, go ahead.

T: Slang, hay còn gọi là "**Street language**" - ngôn ngữ đường phố, tiếng lóng của dân địa phương. Có thể nói, "Slang" là từ ghép của chữ cái đầu trong từ "street" và 4 chữ cái đầu của từ "language". Do đó, ngày nay chúng ta hay gọi là "slang". Từ lóng trong tiếng Anh cũng có rất nhiều và đa dạng tùy vào các vùng, địa điểm khác nhau giống như tiếng Việt chúng ta vậy. Chúng ta trước mắt chỉ có thể tập làm quen vs 1 số slang phổ biến nhất trong cách sử dụng tiếng Anh chung, ngoài ra, quả thật, nếu không sinh sống tại nơi đó lâu năm hay không phải người địa phương thì cũng khó lòng mà biết được.

L: Thật là thú vị. Dường như đằng sau mỗi hiện tượng ngữ pháp hay thậm chí các câu, các từ đều có những nguồn gốc rất khơi gợi sự tò mò. Quay lại bài học hôm nay, như các bạn đã biết, thì mình đã chủ ý lồng ghép 1 số slangs vào đoạn văn ở trên. Vậy Thương ơi, c đã nhớ hết rồi, vậy từ lóng đầu tiên là gì?

T: Đó là **give someone a ring**. Give someone a ring mang nghĩa là gọi điện thoại cho ai đó, đồng nghĩa vs từ "phone" hay "call". Tại sao lại nói là **give someone a ring**? Đơn giản vì tiếng reo của điện thoại trước kia nghe chính xác như từ "ring". Give someone a ring x3

L: VD có lẽ là điểm mạnh của mình rồi nên bh Linh sẽ giúp các bạn đưa ra 1 VD như sau: **"Can you give me a ring as soon as you receive the news?"**

T: Slang thứ 2 và cũng là slang ưa thích của Thương là **screw up** x2. Screw up đồng nghĩa với cụm **make a mistake**, tức là làm hỏng việc. Khi nói chuyện với các bạn nước ngoài, các bạn sẽ thấy sự xuất hiện của từ lóng này khá nhiều đấy. "Screw" tức là vít chặt, siết chặt. Thường thì nó đc chia ở dạng bị động hay thì quá khứ, nên chúng ta đọc là screwed up x3 (làm hỏng chuyện). Tiếp theo thì mời Linh đưa ra 1 VD giúp Thương nào.

L: Sẵn sàng. Các bạn lắng nghe nhé: **"If you screw up one more time, I'll fire you!"** hoặc, **"Lucy just screwed up the relationship with our counterpart by her stupid words"**.

T: Slang thứ 3 mà Thương đã kịp ghi lại là nuts trong câu **"That's nuts"**. Nuts có nghĩa là dở hơi, điên rồ, mất trí. Chẳng hạn như **"She's completely nuts to go back home at midnight. It's so dangerous out there!"** hoặc **"She drives me nuts with her unbearable requests"**.

L: Linh cũng muốn đặt thêm 1 VD nữa. Có thể là **"My friends thought I was nuts to get back with my ex"**. Uhm vậy cuối cùng là slang nào nữa nhỉ?

T: Cụm từ lóng đó nằm trong câu này **"Just go for it, bro"**. Go for it có nghĩa là 1 lời động viên, khuyến khích hãy làm, hãy thử đi. Khi bạn muốn khuyến khích ai đó làm điều gì hay động viên họ, hãy nói go for it. Go for it cũng tương đương vs câu Give it a try, hãy thử làm đi. Lại nhé: Go for it x3

L: Đến lượt Linh rồi phải không? VD là gì nhỉ? À, bạn muốn khuyến khích đứa bản thân thử nộp hồ sơ đi làm nơi mà cô ấy đã thích từ rất lâu, **"Just go for it. I'm always here for you if you need my helping hand"**.

T: Sau khi đã giải thích cả 4 slangs xuất hiện trong bài văn ban đầu của Linh, giờ chúng ta sẽ cùng thử dịch lại đoạn văn đó vs nội dung cụ thể như thế nào nhé: Anh họ của tôi người mới kết hôn gần đây đã gọi đt cho tôi để hỏi ý kiến tôi về chuyện tìm 1 căn hộ mới. Đầu tiên thì a ấy đã than thở về cuộc sống đầy khắc nghiệt của anh ấy trước đó. Anh ấy đã dành dụm đc 1 ít tiền, bao gồm số tiền để phòng lúc bất trắc nữa, thế nhưng đột nhiên động cơ xe ô tô của anh ấy bị hỏng và số tiền mà anh ấy phải chi trả để sửa nó đã vượt khỏi dự kiến. A ấy cho rằng việc này đã làm hỏng hết kế hoạch ban đầu, nhưng dù có thế nào đi chăng nữa thì a ấy vẫn sẽ nhất định phải mua 1 căn hộ để xây dựng gia đình. Anh ấy nói với tôi bây giờ anh ấy đã rõ tại sao lại có câu nói họa vô đơn chí. Nhưng anh ấy may làm sao khi mà trúng được 500,000\$ tiền vé xổ số. Điều này thật là điên rồ phải không? Rồi tôi nói là hãy thử đi anh, đây là lúc thích hợp để a theo đuổi giấc mơ của mình đấy. Tôi đã quá đỗi vui mừng cho aanh ấy đến nỗi chúng tôi đã nói chuyện gần 2 tiếng đồng hồ và tôi đã quên lớp học của mình. Khỏi phải nói thì tôi đã chạy như bay đến lớp. Quả là 1 ngày thú vị!

L: Cảm ơn Thương rất nhiều vs bài dịch vừa rồi. 1 lần nữa trc khi kết thúc bài học về slang tại đây, chúng ta hãy cùng ôn lại 4 cụm từ lóng mà chúng ta mới học:

- Give SB a ring (gọi đt cho ai đó)
- Screw up (làm hỏng chuyện)
- Nuts (điên rồ, mất trí)
- Go for it! (Cứ làm đi/Cứ thử đi)

L: That's all for today. Hope you've enjoy it. Hãy luôn theo dõi và ủng hộ Step Up Radio. Xin cảm ơn các bạn!

L: Chào mừng các bạn đến với Step Up Radio. Mình là Linh.

T: Chào các bạn khán giả. Mình là Thương.

L: Mình tin là các bạn vẫn khá tò mò về các từ lóng trong tiếng Anh. Vậy nên L và T đã quyết định gửi đến các bạn thêm 1 số slangs khác.

T: Đúng vậy. Vậy từ lóng đầu tiên trong bài học này là gì vậy Linh?

L: Các bạn đều biết rằng đơn vị tiền đô, hay dollar, đc sử dụng phổ biến ở các nc phương Tây. Tuy nhiên trong các cuộc hội thoại bình thường hay trong các tình huống k yêu cầu sự trang trọng, từ "dollar" lại đc nói thay thế bởi 1 từ khác, đó là gì nào?

T: Th thường nghe máy bạn nước ngoài nói là 20 bucks hay 10 bucks, vậy ý Linh có phải từ buck không?

L: Chính xác. Buck x2. VD như: thay vì nói 50 dollars, chta có thể nói 50 bucks, 100 dollars là 100 bucks, 5 bucks,...vv

T: Có thể dễ thấy rằng sau 1 ngày hay 1 tuần làm việc vất vả, ai trong chúng ta cũng chỉ muốn nằm dài trên ghế sofa và xem tivi để thư giãn thôi. Tuy nhiên, nếu tình trạng đó kéo dài quá lâu thì nó lại khiến các bạn trở nên lười biếng, ì ạch, không tham gia vào các hoạt động ngoài trời. Liệu Linh và các bạn khán giả có biết từ nào trong tiếng Anh để diễn tả những người như vậy không?

L: Có phải là cụm couch potato không Thương?

T: Đó chính là cụm từ lóng mà Thương đang nghĩ đến. "Couch" có nghĩa là chiếc ghế dài, "potato" là củ khoai tây. Trong tiếng Anh, họ dùng cách so sánh những người lười biếng không chịu hoạt động gì với củ khoai tây nằm dài trên ghế, couch potato. Cách so sánh này rất thú vị nên Thương luôn nhớ đến nó, couch potato. Đôi khi, Thương cũng đã ở trong tình trạng này rồi, còn Linh thì sao?

L: Không còn nghi ngờ gì nữa. L thì thường xuyên là đằng khác. "When it comes to weekend, I just wanna be a couch potato and do nothing". Couch potato x2

T: Tiếp theo, Thương lại có 1 câu hỏi: Linh và các bạn có biết từ buy có nghĩa là gì không?

L: Nghĩa là "mua" phải không?

T: Đúng rồi, nhưng L có biết nghĩa khác của nó là gì không?

L: Uhmhhh, để xem nào. À nó có nghĩa tương tự vs từ "believe", tức là tin vào cái gì đó không?

T: Chính xác. Các bạn ơi, trong các tình huống giao tiếp không chính thức hay giữa những người bạn với nhau, các bạn có thể dùng từ buy thay từ "believe" với nét nghĩa: tin, tin tưởng ai đó.

L: Chẳng hạn như ai đó nói vs bạn rằng họ có thể bay "I can fly myself" và bạn k tin, bạn có thể nói "I don't buy it" hay "I don't buy into it".

T: Hoặc bạn thấy lời nói có ai đó khó tin, bạn có thể nói "Your words are hard to believe in. I don't buy it"

L: Vậy nếu chúng ta không biết về nét nghĩa này của từ buy thì những câu nói trên sẽ trở thành vô nghĩa đúng không nào?

T: Phải rồi. Trước khi kết thúc bài học tại đây, hãy cùng chúng mình ôn lại các từ lóng chúng ta đã học được nhé:

- buck x2 = nghĩa vs "dollar"
- couch potato x3, có nghĩa là những người lười biếng, trì trệ, ì ạch.
- buy x2, ngoài nghĩa cơ bản là mua, nó còn có nghĩa là "tin, tin tưởng".

L: Chào mình các bạn đến vs Step Up Radio. Mình là Linh.

T: Còn mình là Thương. Tiếp tục chủ đề về các Slang hay từ lóng trong tiếng Anh, hôm nay, Thương và Linh sẽ giới thiệu đến các bạn 4 từ lóng thông dụng trong giao tiếp khác. Linh này, đã bao giờ cậu gặp phải những người chỉ chuyên đi nịnh hót, bợ đỡ người khác để đạt đc mục đích của mình chưa?

L: Sao tự nhiên Thương lại hỏi câu không liên quan đến bài học vậy?

T: Thì Linh cứ trả lời Thương đi.

L: Uhm, cũng có 1 vài lần. Những người như vậy làm Linh rất khó chịu. Họ dường như chỉ muốn đi đường tắt mà không muốn cố gắng bằng sức lực của bản thân, luôn cố nịnh bợ để làm hài lòng người khác.

T: Cảm ơn Linh đã giúp Thương giải thích thêm về 1 từ lóng mà Thương định giới thiệu đến các bạn khán giả.

L: Ahhh, ra là vậy. Everything happens for a reason!

T: Chính xác. Trong tiếng Anh có 1 từ lóng để diễn tả những người như vậy, đó là từ suck-up x2, là 1 danh từ. Tuy nhiên suck-up 1 từ khá nhạy cảm, có chăng các bạn chỉ có thể dùng khi nói chuyện thân mật hoặc, nói xấu ai thôi.

L: Vậy thì để Linh thử áp dụng nói xấu về 1 người như vậy mà L đã gặp nhé: "When I was in high school, one of my classmates was a very annoying. She's always trying to convince others to let her copy their test and then immediately turned her back on them. She's such a suck-up!"

T: Còn Thương thì cũng gặp rất nhiều người gây khó chịu. 1 trong những người đó là những người chỉ biết ăn bám người khác, không chịu lao động hay làm gì, chỉ biết ngồi 1 chỗ ăn chơi, hưởng thụ, sống phụ thuộc vào người khác mặc dù có thừa khả năng và sức khỏe.

L: Linh cũng gặp rất nhiều người như vậy. Không biết có phải vì thế không mà Linh vẫn luôn nhớ có 1 từ lóng để diễn tả về hành động của họ.

T: Ơ là từ nào? Thương đã rất tò mò từ lâu rồi mà chưa tìm đc.

L: Đó là từ freeload x2. Freeload là 1 động từ diễn tả hành động ăn bám, ăn hại, giống như Thương vừa giải thích. Để xả 1 chút, T có thể lấy 1 VD để nói ra những gì mình nghĩ không?

T: Rất sẵn lòng. "I used to live with a housemate who didn't do much of anything. She ate my food, wore my clothes or used my stuff without my permission, even worse than that, she didn't clean the house once. She's just freeloading"

L: Nếu là Linh, Linh cũng sẽ cảm thấy rất khó chịu và bức tức. Uhm, thôi thì để bầu không khí đỡ chìm xuống, chúng ta sẽ chuyển sang những từ khác mang nghĩa tích cực hơn nhé!

T: Th cũng nghĩ vậy. Nhưng nghĩ lại, nhiều lúc ở chung cũng có cái vui của nó. Đặc biệt nếu ở với nhiều người, khi ăn cái gì thì đúng là "Của không ngon nhà đông con cũng hết". Khi ấy, thì cần phải có người hay bản thân mình phải xí phần trước may ra còn được ăn...

L: À khoan, tự nhiên Th nhắc đến đoạn xí phần trước nên đột nhiên L nhớ ra có 1 cụm từ lóng với nghĩa y như vậy đó, tức là xí phần hay đặt trước cái gì ấy.

T: Bệnh nghề nghiệp quá L ơi. Thôi đc rồi, đó là gì vậy?

L: Got dibs on ST x2. Chẳng hạn, bạn xí trước 1 phần bánh với mẹ trước khi đi làm chẳng hạn, bạn có thể nói "Mom, I gotta go to work now but I got dibs on the last piece of cake" hay xí trước chỗ ngồi "Hey, I got dibs on this seat"

T: Tớ cứ nghĩ rằng chỉ có tiếng Việt mới có cách nói này, không ngờ tiếng Anh cũng có, thật thú vị.

L: Ừ, chính vì nhiều khi tiếng Anh đem lại những sự bất ngờ thú vị nho nhỏ như thế này đã tiếp tục giữ chân Linh lại với ngôn ngữ phổ biến bậc nhất này đó... Phải rồi, trước khi đến đây, L đã nhắc bản thân hỏi T 1 câu hỏi mà L luôn thắc mắc bấy lâu. Liệu T có thể trả lời câu hỏi này của L không?

T: Còn tùy xem câu hỏi ấy như thế nào nhưng L cứ thử nói đi.

L: Thấy T là 1 người rất ngoan ngoãn, hầu như chỉ biết chăm chỉ học hành và đi chơi với bạn bè hay đi ăn uống bình thường. Vậy đã bao giờ T đã uống bia rượu và say đến nỗi không biết trời đất là gì, không đứng dậy được hay không kiểm soát được mình đang làm gì chưa?

T: Chưa bao giờ. Nói thật nhé, tửu lượng của T rất tốt nên không dễ say. Hơn nữa tự nhận thức bản thân con gái lại không sống cùng gia đình nên T không để bản thân rơi vào những trường hợp như vậy. Rất nguy hiểm. Thế còn Linh thì sao?

L: Well, honestly, I did, twice. Thực ra, Linh cũng nhận thức được những điều đó. Tuy nhiên, đã có 2 lần trót say đến nỗi không biết trời đất trắng sao là gì nữa vì lúc đó là thi Đại học xong cho bản thân xả đi chơi với bạn thân nên thấy an toàn là quá chén thôi và lần khác cũng lại tương tự. Nhưng tửu lượng kém nên cũng say rất nhanh. Kể câu chuyện này cũng chỉ lại là lấy cớ giới thiệu cho các bạn 1 số từ lóng trong tiếng Anh mô tả tình trạng say như vậy. Đó là từ hammered x3, wasted x3 hay shit-faced x3.

T: Oh, không ngờ L cũng đã có những lần nổi loạn như vậy.

L: Tuổi trẻ mà. I got too wasted to stand up myself for the first time and the second time, I was also so hammered that I burst into tears for no reason. The feeling of hangover's really bad so I promise I won't get shit-faced anymore.

T: Dù sao sau này khi đã lớn hơn, L sẽ có chút gì đó để nhớ lại về tuổi trẻ của mình, đúng không nào?

L: Phải rồi. Uhm, Th biết k, đây cũng chính là bài học cuối cùng trong suốt hành trình dài mà chúng ta đã cùng các bạn khán giả trải qua vs hơn 100 bài học tiếng Anh rồi. Thời gian trôi nhanh quá.

T: Thật sao? Th rất buồn khi phải nói lời tạm biệt tại đây và hi vọng, trong suốt quãng thời gian vừa rồi, các bạn khán giả đã có những kiến thức thật bổ ích, lý thú với tiếng Anh. Linh và T cũng đã luôn nỗ lực để đưa đến những bài học thiết thực nhất cho các bạn khán giả, và tất nhiên sẽ không tránh đc những thiếu sót, nên rất mong, các bạn khán giả có thể hãy có cái nhìn rộng lượng. 1 lần nữa, Th xin gửi lời cảm ơn chân thành sâu sắc đến tất cả các bạn khán giả, những người đã đang ủng hộ Step Up Radio cũng như là động lực để mình cố gắng; cảm ơn chân thành đến a giám đốc trung tâm tiếng Anh Step Up đã truyền cảm hứng và luôn luôn hỗ trợ cho dự án này; cảm ơn Linh - người bạn dẫn cũng như người đồng hành giúp Th hoàn thành được dự án các bài học tiếng Anh đến các đối tượng học tiếng Anh và những người liên quan đã hỗ trợ, ủng hộ, giúp đỡ Th trong suốt thời gian vừa qua.

L: L cũng xin gửi lời cảm ơn đến các bạn khán giả, anh giám đốc, Th cũng như các anh chị trong Studio đã luôn tạo điều kiện, đồng hành, giúp đỡ Th và L trong dự án này. Hi vọng tất cả chúng ta, dù ít nhiều cũng đã góp phần tạo nên 1 cộng đồng phổ cập tiếng Anh. Đến đây, L xin kết thúc bài học và vẫn như thường lệ, các bạn học hãy luôn luyện tập tiếng Anh đều đặn, cho dù sẽ không còn những người hỗ trợ như Th và Linh, thì cũng đừng nản lòng. Hãy cố gắng tìm cho mình 1 ng hỗ trợ đáng tin cậy trong quá trình học. No pain, no gain! Xin cảm ơn các bạn!